

80
INDO-CHINOIS

1866

7817

Năm Quý-Dậu (1933)
NHẬT-NAM THƯ-XÃ -- HANOI



DÉPOT-LEGAL
RÉSIDENTE SUPÉRIEURE
TONKIN

DÉPOT LEGAL
INDOCHINE

Nº 18393

NGUYỄN NAM SƠN

SÁCH MÙA XUÂN

≈ XEM TẾT ≈

NHẬT-NAM THƯ-QUẢN DƯỢC-PHÒNG

Số nhà 26, phố Hàng-bông Đệm Hanoi, xuất-bản. Giá bán 0p8

Sách bán gần hết là cuốn :

SÁCH DẠY ĐÀN

== HUẾ VÀ CẢI-LƯƠNG ==



Các ông. Hai Khiết, cụ Ba Lễ, ông Đức

Tức là cuốn « Khoa-Học-Cầm » của bộ « Mỹ-Thuật Tung-Thư »

Dạy đàn Cải-lương Nam-kỳ và đàn Huế, các cây đàn Nguyệt (Cầm) và Thập-lục (Tranh) v. v. . . Ai học lấy cũng biết nắn được gần rất hay và thật đúng nhịp, đúng hát, có kèm cả các bài ca rất hay. Thật là một môn Mỹ-thuật có giá-trị. Do các tay danh-cầm (nhất Bắc-kỳ) như ông Hai Khiết, cụ Ba-Lễ . . đã có công nghiên-cứu mấy chục năm nay, soạn ra. Ai cũng nên học.

Giá 0p50. Ở xa thêm 0p20. (gửi lĩnh-hóa trao-ngân là 0p80)

Người mua sách sẽ được hỏi :

Hanoi NHẬT-NAM THƯ- QUÁN ĐỌC-PHÒNG xuất-bản





TẾT MÃI

Lũ trẻ mừng rộn Tết đến nơi,
 Biết đâu tết xuất cả năm rồi.
 Đùng mười hai tháng bao nhiêu pháo, (1)
 Lộp vạn nghìn tường kẻ siết vôi.
 Rạp hát sùm quanh cô đi rạc.
 Cao lâu leo mảnh chủ cu bồi.
 Xuân giải như thế chơi sao hết?
 Nọ phải xuân nào Tết mới vui!

(1) Vì nhà nước có lệ bắn súng 10 giờ sáng.



DEPOT LEGAL
 • INDOCHINE •

Nº 18393

Nhật-Nam Thư-Quán Dược-Phòng

Số 26 Hàng-bông Hanoi, xuất-bản giữ bản-quyền
 n lần thứ nhất 25 Janvier 1933 (30 tết ta) Giá 0p50

8° Indoch.
 1866



Mỗi năm có 4 cuốn
ĐÃ XUẤT BẢN
SÁCH MÙA XUÂN XEM TẾT

SẼ XUẤT BẢN

SÁCH MÙA HẠ XEM NGHỈ HÈ

Cuốn này cam đoan là nhiều Văn-thơ Tiểu-thuyết hay hơn cuốn « MÙA XUÂN » mà những bài thường-thức cùng các cách chơi về mùa « HÈ » rất đích-đáng.

Một điều đặc-biệt nữa là : có nhiều tranh đẹp gấp mười cuốn « MÙA XUÂN » mà lại có gấp vào 1 tờ tranh to để đóng khung treo được, các tranh ấy sẽ do những tay danh họa như Nam-Sơn tiên sinh . vẽ tặng. Đầu tháng tư ta mà là tháng 5 tây sẽ xuất-bản chằm lăm thì trước ngày nghỉ hè độ nửa tháng cũng xuất bản song
Giá cũng 0p30

SÁCH MÙA THU XEM GIẢI BUỒN

Lại đẹp và hay hơn 2 cuốn trên : vì chỉ có sách MÙA XUÂN năm nay là không giữ định. Còn các cuốn sau đều tuần tư mà soạn ra sẽ đẹp và hay hơn. Giá 0p30

SÁCH MÙA ĐÔNG NÊN ĐỌC

Chẳng những tranh vẽ đẹp mà nhiều Tiểu-thuyết rất hay dễ đọc về vụ rét
Giá cũng 0p30

Hai cuốn S. M. T. và S.M.Đ. sẽ ra sau cuốn mùa Hạ.

HANOI - Nhật-nam Thư-quán xuất-bản

VĂN - CHƯƠNG

VỚI NGÀY XUÂN



Xương heo gió lạnh chưa qua,
 Hồng phở thắm chọi xuân đã tới nơi.
 Tiễn xuân nhắn một đôi lời:
 Nước non thăm-thăm ai người tri âm?



Kìa đã xuân rồi có phải a?
 Ta mừng ta lại chúc cho ta,
 Nước non vẫn đó người còn trẻ.
 Râu tóc như dây cảnh chứa già,
 Một chén vơi đầy nghiêng bóng
 nguyệt.

Bốn bề bát-ngát nức mùi hoa.
 Ai ơi vui lấy ngày niên thiếu
 Thăm-thoát thoi đưa mấy chỗ mà,
 Lương vị Thủy



Không phải như hoa thơm cỏ
 lạ, tới ngày xuân mới phô sắc,
 phun hương; lại không phải như
 yến tía, oanh vàng, đợi ngày xuân
 mới tập bay, học hót; trái lại, văn-
 chương là vật « không mùa », nó
 không theo thời-tiết mà thay hình
 đổi dạng.

Đã vậy, đối với ngày xuân cũng
 như đối với những ngày hạ, ngày
 thu, ngày đông, dưới ngọn đèn,
 trước cửa sổ, trên chiếc gối thanh-
 nhàn, ngày nào cũng có thể thưởng-
 thức văn-chương được cả.

Vậy thì văn - chương với ngày
 xuân có gì là quan-hệ hơn những
 ngày khác?

Thật vậy, văn-chương với ngày
 xuân vốn không quan-hệ hơn các
 ngày khác chút nào. Song ở xứ
 này, vì tình-tình, vì phong-tục,
 vì sự truyền - nhiễm lâu đời
 của số đông người, cho nên đối
 với ngày xuân, văn-chương lại có
 giá-trị đặc-biệt.

« Ai ơi chơi lấy kéo già !
 « Măng mọc có lúa, người ta
 có thì !
 « Chơi xuân kéo hết xuân đi,
 « Cái già sông-sộc nó thì theo
 sau.

Câu hát ấy đã lưu-hành khắp cả
 trong xứ. Nay thử giở tập Phong-

dao mà đọc, hoặc qua về thôn-quê mà nghe, thì còn thấy biết bao nhiêu những câu hát khác cùng một ý-nghĩa như thế.

Coi đó biết « chơi xuân » là thói quen của người mình, làm người không biết chơi xuân, người ta cho là thiệt-thời nhiều lắm!

Thử hỏi cách chơi xuân của ta có những cuộc gì?

Cờ bạc, trai gái, hát-xướng, đó là những lối chơi xuân thịnh-hành.

Ta há chẳng thấy lắm người thâu đêm suốt sáng, lăn-lóc với lá bạc quân bài, hết ba tháng xuân mà ruộng vườn bán sạch?

Ta lại chẳng thấy những người nay đình này, mai đám khác, mượn cơ-hội mà quyến yếm rủ oanh, hết ba tháng xuân, thân - thể trở nên phờng du-đãng?

Ta lại chẳng thấy những người miệt-mải về tiếng hát câu ca, cuộc vui đầy tháng, trận cười suốt đêm, hết ba tháng xuân mà cửa nhà đã tan-tành đồ nát đồ sao?

Những cách chơi xuân như thế, chẳng những hại tiền-lai, hại đạo-dức, mà còn hại đến tinh-thần và sức khỏe nữa. Người ta cũng biết chơi vậy là chơi hại, nhưng mà suốt năm lật-đật, gặp ngày xuân không thể không chơi, mà ngoài mấy cách chơi trên đây, không kiếm ra cách chơi nào khác, cho nên biết rằng hại mà vẫn cứ chơi.

Văn-chương với ngày xuân mà có quan-hệ là ở chỗ đó.

Phải chi, nhân khi muốn tiêu-khiển ngày xuân, mà lấy văn-



Tin xuân vừa thấy báo,
Mong chàng chẳng thấy chàng?
Nước non thề đã lỗi,
Trông hoa thẹn chén vàng.

chương thay cho các cuộc chơi kia, thì không những tránh được những điều tai-hại, lại còn thêm được nhiều điều ích-lợi.

Vả, Thiều-quang chín chục, gió ấm mưa êm, thời-tiết ấy cũng hợp với sự đọc sách xem văn hơn các thời-tiết khác. Trước những cảnh hoa đào dạn gió, tơ liễu buông manh, cái én đưa thoi, con oanh

học nói, mà ta rót chén rượu, thấp nén hương, ngâm câu thơ, đọc những bài văn có ý-vị, thì tinh-tinh khoan-khoái biết chừng nào. Thế thì văn - chương tức là thứ thuốc chữa cho những bệnh : sầu xuân, cảm xuân, buồn vì xuân, ngao-ngán vì xuân đó vậy.

NHẬT-NAM THU-XÃ



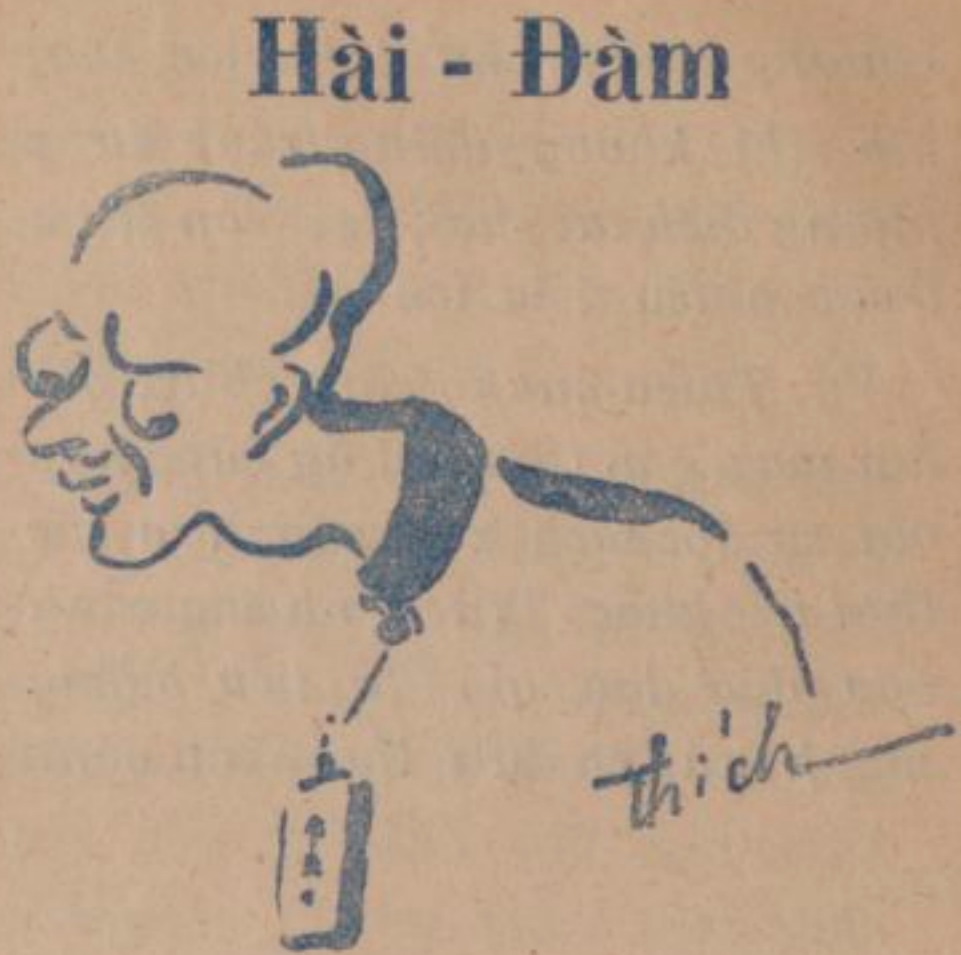
Buổi sáng mùa xuân ở Vịnh Hạ-Long, tranh vẽ của Phạm-kim-Băng

Giấc mộng non sông như đã tỉnh,
Con thuyền sóng gió vẫn còn mê!
Chơi xuân sao chẳng tìm vô bến?
Bến cũ chờ ai, ai chữa về!

LƯƠNG-VỊ-THUY



Cảnh đền Trần-Võ



Nhà giàu ăn tết bằng cứt trẻ - con

Hai Kiết: Đố bác biết tết này những nhà giàu mà « hay nói dối » họ ăn tết bằng gì?

Ba lọ: Bác này mấy gàn chứ, họ đã giàu thì thiếu gì cao-lương mỹ-vị, ở đời có tiền mua tiên cũng được, việc gì còn phải đố? gàn lắm, gàn lắm!

— Không phải, đố bác nghĩ ra đó?

— La thật! Thế mà còn phải đố à?! hay là ý bác muốn bảo họ ăn **vàng** chứ gì, **vàng** thì ăn làm sao được, mà có ăn thời cũng phải đến « **đứt ruột** » ra chứ chớ nào nuốt được?!

— Chính thế, họ ăn **vàng** đỏ, nhưng họ ăn đến « **Nhân-trung-hoàng** » چرا đây, chẳng phải ăn « **vàng ở mỏ** » đâu bác ạ!

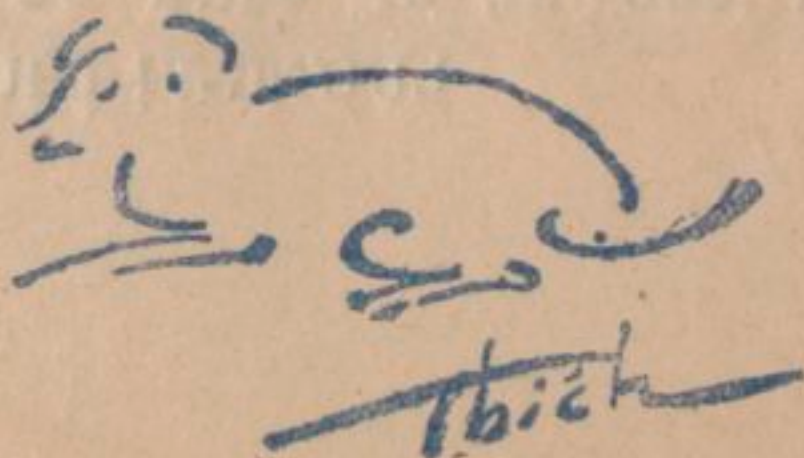
— Hi, hi, hi... Nhân-trung-hoàng là « **cứt** » mà lại bảo người ta ăn! bác này mới sỗ chứ. — Nếu bác nói thật thì lấy gì làm cơ nào?

— Này nhé, như bọn mình lúng kiết mà thực-thà, khi thiếu tiền mua bánh tết cho con, đến vay họ, họ cứ thề là : « **Nếu tôi có mà không cho bác vay thì tết này tôi ăn cứt cho con bác** »

Thế họ giàu mà hay thề giời, như vậy chả « ăn tết bằng cứt trẻ-con là gì? »

Ừ! họ cũng khuyển thực! Hi, hi hi

TÚY-SINH et KÍCH-VIÊN



Cũng là nhảy cả

Bà Tham B và bà Cả D là láng-giềng với nhau, mà tính khí không giống nhau. Bà cả óc cũ, có ý tin thần-thánh, nội các đèn-dài Hanoi không chỗ nào là bà không được dự chức con đồng, bà cho sự hầu bóng là việc rất có giá-trị. Trái lại, bà Tham có óc văn-minh, ngôn-ngữ cử-chỉ, cái gì cũng bắt chước người ngoại quốc nhất là khoa «nhảy đầm» lại càng thạo lắm.

Hai bà tuy là láng-giềng mà ít khi nới với nhau. Pữa đó, không biết từ đâu run-rủi, các bà ngẫu nhiên gặp nhau tại nhà ông Phan X.

Bà Tham vừa múa tay vừa nói:

— Khốn nạn ! dân-tộc ta thật nhiều người ngu muội, sao mà họ mê-tín quá đi mất ! ai đời thần đàn bà mà cứ khăn xanh, khăn đỏ nhảy-nhót với một lũ cung-vần, rồi nói là vị thánh ấy, vị thánh nọ nhập vào mình ! Thật là đồ dĩ ! Bà Cả cau mày và đáp :

— Cái đó cũng chưa dĩ lắm. Tôi tưởng những người hay bắt chước nhảy đầm kia mới là dĩ hơn. Phải, chồng bà nọ nhảy với vợ ông kia, vợ ông nọ nhảy với chồng bà kia, lẫn-lộn đến thế là cùng, còn việc lên đồng chẳng qua là bóng thánh ngự vào, có gì là dĩ.

Ông Phan ngồi cạnh ngửa miệng mà rằng :

— Thưa hai bà, nhảy đồng cũng là nhảy, nhảy đầm cũng là nhảy. Cứ ý tôi thì... thì dĩ cả ! Ha, ha, ha ! ...

Lão say



Để tôi hỏi Ma-phăm (Ma femme)

Có một bác hễ ai đủ việc gì, bất cứ là buồn b n hay chơi bời, hoặc đồng giỗ, đ ng tết, thời đều bảo rằng: « Để tôi hỏi Ma-phăm » xem.

Đầu năm tể Tở, họ hàng đến rủ đóng tiền sắm lễ, bác ta lại trả lời rằng:

« Để moa hỏi Ma-phăm ».

Có một điều lạ là bà mẹ ngồi đấy thì không thấy bác ta nói rằng: « Để moi hỏi Ma Me »

Bà cụ cũng hơi hiểu tiếng tây, bèn thịnh-nộ mắng rằng:

« Thế vợ anh để ra anh à ! »

Khai mỏ

Một hôm mấy ông ngồi rồi bàn đến việc lý-tài để mưu-lợi...

Ông Cả Khuếch đứng lên nói rằng: bây giờ chỉ có khai mỏ là dễ « kiếm ăn » nhưng mà khai mỏ thì phải khai mỏ gì mấy được, chứ mỏ đồng, mỏ sắt, v.v... thì khó « nhai » lắm !

Ông Hai Khoác thấy nói khai nhiều mỏ thế mà lại không có mỏ nào « nhai » được thì « thèm » lắm, bèn đứng dậy hỏi rằng: Thế ông bảo sao lại không khai được, tôi tưởng chỉ tại mình không biết cách tìm hay là không « đồng-tâm » mà thôi, nếu cùng nhau bỏ vốn rồi đi tìm thì làm gì lại chả được, mà chỉ chực « ăn không » và nói mồm thôi, rồi có mà đơ nó đem đến tận « mồm » hử ?

Ông Ba Đại nói đỡ rằng: « Ông cả Khuếch nói phải đấy, bây giờ có khai mỏ gì chứ các mỏ trên kia thì người ta đã khai « ruỗng » cả rồi còn gì mà « khai » với chả « quật » !

Ông Tư-Giận: « Phải đó, chỉ « khai mồm » thì làm gì được, tôi thiết tưởng khai mỏ gì thì hay lỗ mà khó, chứ có một thứ mỏ này mà khai thì « hợp-thời » lắm, quyết là giàu to.. »

Các ông nghe nói đều sồn-sao hỏi:

— « Mỏ gì ? mỏ gì thế ? »

— Chỉ có mỏ « nhân-ngôn » là nhiều người mua lắm, nhiều người mua lắm đó.

— Đồ gàn ! ai mua « nhân-ngôn » làm gì ?

— Ấy, mua « nhân-ngôn » để đánh chết những phường « Mỏ mồm ra là nói khoác !... »

Ông Say

Ngày xuân tức cảnh



Tiếng pháo
chào mừng
ông vải vừa
rút, cậu Bọt
vừa thắng
xong bộ cánh
« dễ - cùi »,
dạo tới bàn
thờ, trông
lên, bích-đào
nở, thủy-tiên
mãn - khai,

quang-cảnh rất nên thơ, cậu liền chạy lại bàn giấy, viết mấy bài tức cảnh :

Đỏ thời như tiết, trắng như bông,
Hoa tết năm nay đẹp lạ lùng.
Ướm hỏi vì đâu mà có nó,
Chấp tay bốn lạy, lạy ông công.
Chấp tay bốn lạy lạy ông công,
Phù-hộ tôi nay được thỏa lòng.
Tháng tháng nghề «chim» đỏ như gấc.
Rửa mắng không mà chửi cũng không.
Rửa mắng không, mà chửi cũng không
Các cô thấy mặt phải xiêu lòng.
Ăn ngày hai bữa tôi dong phố,
Phố có cô nào tôi ngó trông.
Phố có cô nào tôi ngó trông,
Thanh niên như thế đáng đời không?
Lạy ông phù hộ cho tôi nhé,
Tôi tạ vài, ba chiếc mũ rồng.
Tôi tạ vài, ba chiếc mũ rồng,
Ông lên ông diện ở thiên-cung.
Các cô tiên-nữ thấy ông đẹp.
Lạ mắt ai mà chẳng phải trông?

Phấn-diện thuật



Ăn cắp không phải tội

Trình-độ người đọc sách ngày càng cao, sách nhảm bán không thể chạy, hai ông chủ hiệu sách lấy làm lo.

Ông Giáp bàn với ông Ất.

— Cái nghề in sách cứ phải quảng-cáo tốn tiền, ấy là một sự thiệt-hại. Bây giờ tôi mới phát minh một phép rất tài, Sách in không cần quảng-cáo mà bán thì chạy vèo-vèo.

— Phép chi mà diệu thế ?

— Khó gì, cứ nhè những thứ sách của bạn đồng-nghiệp đã quảng-cáo mà họ chưa in thì mình thuê người viết cho mau và in bừa đi, tất nhiên phải chạy.

— Làm vậy được đó, nhưng e rằng mang tiếng là thằng « ăn cắp » rồi, nhưng ăn cắp mà không phải tội thì lo gì !

— Đành rằng không phải tội với pháp-luật, song còn lương-tâm thì sao !

— Chà ! thì buổi này ! lương-tâm mà làm chi ! miễn cho đầy túi là được.

Ồ ! nói thế mà không sợ à !

Mừng tuổi

Đèn điện bật lên sáng trưng trên bàn thờ, mấy cảnh bích-đào chiếu bóng đỏ khé sang chiếc giá gương, ngoài nắp đỉnh đồng khói trầm-hương bay lên nghi-ngút.

Tết.

Áo thụng xanh, khăn sa-tanh, trái bốn lượt tiến lên, lùi xuống ở trước bàn thờ. Ông Hàn làm lễ xong, đứng đình bước ra chiếc ghế gụ đệm bông ở phòng khách, lên tiếng đồng-dục gọi :

Chúng bay đâu ? Ra, cậu mừng tuổi cho nào !

Tiếng giầy lẹp kẹp từ nhà trong chạy ra, một lũ con trai, con gái độ từ mười hai tuổi trở xuống, xúm quanh ở trước mặt. Sau khi đã phân-phát cho mỗi con hai hào Ông Hàn hỏi :

— Chúng bay có biết mừng tuổi là thế nào không ?

— Bầm cậu không.

— Dốt lắm ! Người ta sinh ra ở trên đời, cứ mỗi lần tết là thêm một tuổi. Bây giờ chúng bay đưa nào cũng hơn năm ngoài một tuổi, cậu mừng, nên cậu cho tiền lam sa-vơ-nia.

Cất tiếng láu-táu, một cậu bé hỏi lại :

— Thêm một tuổi thì làm gì mà mừng, hử cậu ?

Nghĩ một lúc lâu, ông Hàn đáp :

— Tuổi là lộc của trời cho. Người ta càng nhiều tuổi. . .

Cậu bé ngờ-ngần và hỏi tiếp :

— Thế làm sao độ trước sắp cưới dì Hai, cậu lại cạo râu, rồi cậu cứ dặn mợ con phải nói rút đi cho cậu mười tuổi !

KHA-ĐÌNH

Thầy gàn

Một hôm ông cụ ngồi giảng đạo-đức, thuyết nhân-nghĩa cho các con và học trò. Vì buổi mới cũ giao-thời nên những đạo-đức thuyết-lý của cụ thành ra bọn « giở giang » đều cho cụ là « gàn ».

Cụ nghe thấy thế bèn tức cười mà bảo rằng : « Tao có gàn nhưng cũng để và dạy được chúng mày ! »

Túy-Sinh

Chủ-nghĩa vị tha

Cậu Giáp ngồi đọc văn luận-thuyết, trong bài văn có câu « chủ nghĩa vị tha ».

Ông bố nghe tiếng hỏi con rằng :

— Chủ-nghĩa vị tha là chủ-nghĩa gì hử con ?

— Thừa thầy chủ-nghĩa vị tha là chủ-nghĩa vị người, là hy-sinh cái lợi ích của mình đi để thành-tựu cho người. Chủ-nghĩa ấy hay lắm, về phương-diện xã-hội giá người ta ai cũng biết thực-hành cái chủ-nghĩa ấy thì hạnh-phúc của xã-hội chắc được tăng-tiến lên nhiều.

— À ra cái chủ-nghĩa vị tha là như thế. Này con, thế như nhà ta đây há chẳng phải là thực-hành cái chủ-nghĩa vị tha đó sao ? Người ta dùng tiền đem buôn bán thì nhất bản được vạn lợi, thế mà thầy me sẵn lòng hy-sinh cái lợi lớn ấy, chỉ để tiền mà giúp cho mọi người vay mượn, lời lãi mỗi tháng tính một vài mươi phân thì có là bao ! Thế mà thiên-hạ không biết họ lại cứ chửi bới nhà mình là xét-ty vàng hút máu hút mỡ của người trong xã-hội. Thật là đang giận !

Cậu Giáp nghe cha nói chỉ tủm-tỉm cười...

KHÂM-TRAI

Lầy Tham-Biện

Giời xuân đầm-ấm, hoa cỏ đua cười như gọi lòng xuân phơi-phới...

Hai cô thiếu-nữ cùng nhau ngồi nói chuyện, vì « súc-cảnh » nên mới « sinh-tình ».

Cô Xuân hỏi cô Lan rằng : Thế nào ? chị đã sắp cho em ăn giàu đấy chứ ?

— Giàu với nghèo gì ! đến chị còn chưa có chẳng là em !

— Thôi đi chị đừng giễu em nữa, em đã biết rồi, gớm con người ta gan thật ! ai chả biết nay mai đã là bà giáo, bà trợ-bút, nhưng mà này : có nhẽ anh ấy « lằm chữ » thế thì lúc nào *kiết* chỉ « mai chữ » ra mà ăn cũng phong-lưu đấy nhĩ ?

Cô Lan thấy cô Xuân chế mình thế, tức lằm bèn trả lời rằng : Còn đời chị đấy, để tôi xem chị có lấy được chồng hơn tôi không ?

— Hơn chứ lại chả hơn à ! Này tôi cũng cho chị xem cái « Các » này thì chị biết...

Cô Lan xem « Các » rồi cười sảng-sắc mà chế lại rằng :

— Gớm ! Chị này mấy lẳng chứ ! lấy những chồng « Tham-Biện » của à ?

Cô Xuân thấy nói mình lẳng, và câu : « lấy những chồng Tham-Biện của à ? » thì cãi rằng :

— « Không ! người ta lấy một chồng « Tham-Biện » thôi mà, ai lấy nhiều mà bảo rằng *những* với lại *lẳng* ?

Cô Lan vẫn cười sảng-sắc mà bảo rằng :

— « Ừ thì chỉ lấy một Tham-Biện thôi mà chả đủ lẳng à ? »

— Chị bảo thế nào là lẳng ? người ta làm ông Tham, chức tham-biện thì lương cao, bổng lớn, ăn tiêu rộng-rãi, chơi bời sang trọng, đối với vợ thì chiều-chuộng tự-do, thế chả hơn ư...ư... hơn...à ?

— Thì tôi có bảo rằng « kém » đâu, tôi vẫn bảo rằng : nghĩa chữ Tham-biện thì là lẳng của mà !

Cô Xuân vẫn tức lằm, bụng nghĩ : không biết sao chị ấy lại biết mình lẳng mà (iểu) mình thế và lấy thế mà lại là lẳng, bèn gắt lên hỏi rằng : « Thế chị giảng nghĩa cho tôi thế nào là lẳng ?

— Thì chị cứ nghĩ kỹ câu « Tham-biện » thế nghĩa chữ Tham-biện chả lằng là gì đấy !

Cô Xuân bấy giờ mới hiểu, đỏ bừng mặt lên và biết mình là khờ, mồm lúng-búng : « Tham-biện » ừ « Tham-biện » sỗ thật ! khỉ gió nhà chị nhé ! rồi đấm cô kia thùm thụp. . .

Chàng Say

Thượng-lưu nhân-vật

Hai cha con nhà kia ngồi nói chuyện với nhau về chữ thượng-lưu nhân-vật :

— Thừa thầy thượng-lưu nhân-vật là thế nào ?

— Thượng-lưu là dòng sông ở mạn trên, trung-lưu là dòng sông ở mạn dữa, hạ-lưu là dòng sông ở mạn dưới, người ta vẫn thường nói thượng-lưu sông Hồng-hà, trung-lưu hạ-lưu sông Hồng-hà ấy mà. Thượng-lưu nhân-vật thời là những người ở về mạn thượng-lưu, mạn đường ngược, mạn đường rừng ấy mà.

— À có phải thế thì con đã được xem thượng-lưu nhân-vật rồi thầy ạ.

— Con xem bao giờ ?

— Con xem ở trong Hội-chợ Hanoi ngày trước người ta đem những người ấy ở trên rừng về, tiếng nôm ta vẫn thường gọi những người ấy là người rừng chứ gì.

KHÁM-TRAI

Khóc tết

— Lâu nay đọc báo sao thấy vắng văn hoạt-kê của nhà nho ?

— Ngài tinh hoạt-kê là những bài văn buồn cười, thế mà nhà nho trong một dạo vừa rồi còn những buồn khóc chưa xong, lấy tư-tưởng đâu mà viết nên những bài văn buồn cười được.

— Vì sao mà buồn khóc ?

— Khóc tết chứ sao !

— Tội nghiệp ! Thế ra nhà nho còn giở khóc tết. Nhưng mà này :

Phong tục rõ bầy trò,

Tết-tung rầy-rà to.

Lo tết chán người khóc,

Riêng gì một nhà nho.

KHÁM TRAI

Vợ chồng hay dĩ bợm

Năm hết tết đến, cụ Tú ra Hanoi sắm đồ, nhân có em làm thợ may tại hiệu may nọ, lưu anh ở lại một đêm để thưởng thức cái cảnh ban đêm của đất phồn-hoa.

Tối đến, cụ đi dong vài phố một lượt rồi trở về, hót hơi hót hải bảo với em rằng :

Thảo nào ở nhà quê cứ đồn Hanoi phong-hóa suy-đổi, té ra ngoài này thật lắm dĩ quá.

Người em tưởng anh đã đi vắng cảnh ở nhà đèn đỏ, vội hỏi.

— Chết chưa, ai đưa bác đi ? bác vào Hàng Mành hay Ngõ-gạch ?

— Không, tôi chỉ đi quanh bờ hồ.

— Làm sao bác biết có nhiều dĩ ?

— Tôi thấy vô số con gái ăn bận nuột-nà mà cứ khoác đàn ông mà đi hẳn là dĩ cả chớ gì ?

— Không phải, vợ chồng người ta đó.

— Vô lý, chủ bắt nạt tôi. Cứ như tôi thấy ở nhà quê, chỉ có những hạng trai gái dĩ bợm mới chịu đều-đều đi liền với nhau. Vợ chồng thì ở trong nhà... chớ ?

— Không, ở ngoài này khác, các đôi vợ chồng kiêu tân-thời đều như thế cả, có thể mới là văn-minh !

À, Thế ra vợ chồng ngoài này cũng như dĩ bợm ở nhà quê vậy ? !

Chán đời nên mới
phải đi câu,
Há có tham gì giỏ
cá dàu!

Gần nước những
toan đo-đắn nước,
Sợ giáy cho biết
sự nông sâu.

Lương-vị-Thủ ý





Tân-xuân cảm-tác

Xuân sang, nước cũ tuổi thêm cao.
Hỏi quốc-dân ta nghĩ thế nào?
Trên cõi văn-minh chen bước tới,
Con đường tấn-hóa dắt nhau vào.
Giang sơn dầu biệt người ba cõi,
Nam bắc nên thân nghĩa nhất bào.
Mong được càng xuân càng tấn-bộ,
Thua Âu kém Mỹ mãi hay sao?

Vịnh hoa lan

Mưa mai nhuận vẻ ngọc,
Sương sớm đượm màu xuân!
Phức phức hương vương giả,
Thanh thanh dáng mỹ-nhân,
Trịnh-cung khi nhập mộng, (1)
Hán-điện lúc chán chán. (2)
Chẳng ngại miền u-tịch,
Cùng nhau kết bạn gần.

Ngô-Sơn-Cư-Sĩ



EUOM ONG ĐỀ RẤT PHƯỜNG SIÊN SỞ!

TỬ SIÊU

(1) Nàng Yên-cật mộng thấy gờ cho hoa Lan rồi sinh ra Trịnh-Mục-Công
(2) Vua Hán Vũ-đế cỡi cái điện giống nhiều lau lăm, gọi là điện Y-lao

Ngày xuân quê người

Nam, Bắc, Đông, Đoài, đủ vết chân,
Tấm thân lưu-lạc cũng là thân.
Hồn quê nhớ cảnh, thường như mộng!
Đất khách nghèo hoa, những tiếc xuân!
Câu chuyện sắt son mong cốt nhục,
Luộc vui non nước ngại phong-trần.
Ai về nhắn hỏi vườn năm ngoái,
Cái nụ tưng-vi nở mấy lần?

B. H.

Đôi chị em ai

Dưới cành dương liễu rủ lè thê
Đôi chị em ai ngồi lý tề.
Tỷ lệ câu chuyện dài như chuỗi
Đề khách qua ngoài phải lắng nghe

Em rằng ta sinh cửa hào quý,
Sớm lược chiều gương tối đàn nhị.
Ăn ngon mặc đẹp ở lâu dài,
Đe ngựa tôi đòi không thiếu nhĩ

Ơn cha nhờ mẹ biết là bao?
Cha sẵn nhiều đồng mẹ sẵn hào.
Phung phí tung hô tùy thích muốn,
Giăng chiều gió sớm mặc tiêu dao.

Kìa trông những lũ con nhà khó,
Hôm sớm làm ăn thực khổn khổ,
Quần manh áo mảnh hình bê tha,
Tóc rối đầu bù mặt nhăn nhó.

Vì đem so với chị em ta,
Một vực một giờ bao cách xa.
Phúc cả giờ cho vui hưởng lấy,
Phong lưu cho đáng mặt con nhà

Trăm ngàn (1) một lúc chị bèn nói,
Ý nghĩ như em còn sốc nổi.
Làm người phải biết tình sâu xa,
Cuộc thế khôn lường cơ biến đổi.



1) Trăm ngàn -- ngồi im lặng nghĩ.

GIA VIÊN TỨ CẢNH

1o Núi Ngô-sơn

Đất bằng một ngọn núi chênh
vênh,
Đầy núi hoa đua nở chầu cảnh.
Ướm hỏi từ đâu đời nhắc đến?
Công ơn bác mẹ đắp xây thành.

2o Khe Đỗ-thủy

Quanh quanh uốn khúc một
dòng trong,
Mặt nước hoa rơi tía lẫn hồng.
Ưốn rửa lông mày e chết cá,
Bờ khe thơ thần bước nghinh
NGÔ-KIM-PHƯỢNG phong.

Cầu Thu-nguyệt

Dịp cầu nho nhỏ bắc ngang khe,
Đáy nước long lanh bóng nguyệt
kề
Khỏa nước những e tình đầu
(1) động,
Đầu cầu hoa liễu rủ lê thê.

4o Đường xuân-hoa

Thướt tha lá lục đềm hoavàng,
Gấm dệt mây thêu mấy trượng
đàng
Bước dạo tìm xuân qua lối ấy,
Nửa tuần xiêm áo chứa phai hương



1) Tinh đầu giăng sao trên giới.



Lên núi Danh gặp tiên

Thơ thần buồn lên ngọn núi Danh,
Cỏ cây man mác một màu xanh.
Khéo dẫu gặp gỡ duyên kỳ-ngộ,
Ba bốn nàng tiên dương cất gianh

Lạc lối thiên-thai tới chốn này,
Người tiên sao khéo hững hờ thay.
Kiếp xưa ta vẫn làm tiên mãi,
Chén ngọc vì chưng chot sảy tay.

Sảy tay rơi vỡ chén nhà giời,
Giờ bắt đầy ta xuống cõi đời.
Cuộc thế ta còn vương lăm nợ,
Nợ nhà nợ nước nặng đôi vai.

Nợ nần thề quyết trả cho thanh,
Mãn hạn ta về chốn ngọc-kính.
Tiên khuyết còn nhiều phen hội-
ngộ,
Gặp đây ai hỡi chờ làm thỉnh.

Nhớ bạn sông Bờ

Keo sơn gắn bó nghĩa lan vàng,
Nay kẻ Hồng-hà kẻ Hắc-giang.

Ngân nỡ âm thư sao vắng vẻ?
Đồng qua giã dũ lại Xuân sang!



Mừng ông cụ Tú lên thọ bảy mươi

Ông cụ này có biết làm đất (phong-thủy) và làm thuốc, còn cả bà vợ và đông con cháu. Lúc mở tiệc thọ vào cuối năm 69 tuổi.

Miêu

Nón Thánh-chúa nước Thiên-phù
Nước non treo bức họa-đồ riêng ai.
Tiêu-dao sáu chín xuân dài,
Tiệc mừng bảy, tám, chín mươi còn nhiều.

Nói

Tôn tam sỉ kỳ nhất
Mừng xuân nay cụ thất thập tròn.
Trải tuyết sương cân-cốt chưa mòn,
Đem khoa-bảng điểm son nền thọ khoán.
Hoàn hải tân-văn kim bảo khảm,
Cáo niên quốc-trượng cổ lai hy.
Tiệc thọ mừng này rượu này thì,
Ngắm gia-cảnh đề-huê con, cháu, chắt.
Lồng tóc hạc, sánh gương loan trong vắt,
Mạch thọ trường vì nét đất xoay nên.
Y nhiên lục-địa thần-tiên.

Hai câu khổ đan hoặc đối là:
Tân hải phong-trào kinh lão nhân,
Cổ gia đan định nhiệm chân kỳ.

Nguyễn Giác-Tiên



KIỆP HOA

ĐỀ TỪ

Hoa hỡi thương hoa kiếp
 mỏng manh.
 Cũng thì hương sắc dưới trời
 xanh.
 Bẽ bàng hôm sớm phượng ong
 bướm,
 Ngơ ngẩn mây mưa lũ yến
 oanh;
 Lăn lữa trần-ai đôi má
 phấn,
 Tơ bời cát bụi tâm lòng
 trinh.
 Sớm tàn tối nở đời sao
 ngắn,
 Sui khiến thi - nhân
 động mỗi tình
 Thế Hữu



Thi-họa : NG-LAN-KHAI



HẢI-VĂN

Chi chi lên

Sâm sâm tối, bà Phán đi chơi về, ông Phán gắt :

— Lạ thật ! tôi ốm mà mợ chẳng nhìn gì đến tôi, cứ đi đâu biền biệt cả ngày là nghĩa làm sao ?

Bà Phán cau cườì nói :

— Tôi còn đi đâu nữa mà cậu phải gắt ! Tôi đi lễ đi bái, đi kêu đi cầu để vua mẫu ngài phù hộ cho cậu chóng khỏi chứ còn đi đâu ?

Ông Phán nghe nói vội phải dịu ngọt mà rằng :

— Tôi tưởng mợ đi chơi hay đi cờ bạc gì, chứ nếu thế thì tốt lắm, ai còn dám gắt. Thôi, mợ đi ăn cơm chả đỏi, tôi đã cố ăn bát cháo rồi.

— Cậu ăn cháo rồi ư ? cậu có bớt không ? Tôi ăn cơm xong, lại phải lên ngay trên điện Hàng Bông, vì bà đồng có dặn tối hôm nay lên để bà kiều Mẫu cho xem ngài truyền bảo có động-chê gì không ? Vậy cậu cứ ở nhà rồi tôi sẽ về, đừng mong tôi nhé.

— Được, thế thì có phải sửa lễ lạt chi chi lên không ?

Bà Phán nghe nói đến 3 chữ « chi chi lên » bất giác nổi cái cuồng-hung lên, quên mất cả sự trí-trá, liền nói ngay rằng :

— Ủi chà ! chi chi lên lắm chứ ! chiều hôm nay cũng có một ván tôi chờ chi chi, vừa mới chờ thì nó lên ngay, sượng biết chừng nào !

KHÂM-TRAI

Ký - giả (1)

Tại huyện-bạt kia có xảy ra một cái án-mạng rất bí-mật. Một nhà báo ở Hanoi bèn phái một viên ký-giả thân đến huyện ấy, để lấy tin tức đem về đăng báo. Viên ký - giả đến huyện, vào yết-kiến quan Huyện mà rằng :

— Thưa quan lớn, chẳng hay ngài có thể cho tôi được biết tường tất về cái án mạng mới xảy ra ở trong hạt ngài không ?

Quan Huyện nhìn viên ký-giả rồi nói :

— Ngài là người thế nào mà muốn biết về việc án ấy ?

— Thưa, tôi là ký-giả của một tờ báo ở Hà-thành, muốn lấy tin tức để đem về đăng báo.

Quan Huyện quắc mắt rồi nói rằng :

Hừ ! Anh này to gan thật ! lính đâu ? Bắt giam hẳn xuống trại để rồi ta sẽ xét hỏi.

Viên ký-giả ngơ cả người ra, chẳng hiểu vì cơ thể nào mà quan Huyện ấy lại sai bắt giam mình, liền nói :

— Thưa ngài, tôi có tội gì ?

Quan Huyện nói :

— Anh không biết cái bọn Hàn giả, Cửu giả, Tham giả, Phán giả hồi nọ, chả đều phải điếu ra tòa-án và phải tù lốc nhốc với nhau đấy ư ? Thế mà nay anh lại dám đóng một vai ký-giả, tội đấy chứ tội gì ?

Viên ký-giả bấy giờ mới biết quan Huyện dốt, ngài hiểu lầm nghĩa chữ ký-giả, vội phải nói rằng :

— Thưa ngài, tôi là « ký thật » đấy ạ, không phải là « ký giả ».

— Nếu là ký thật thì có gì làm chứng không ?

— Thưa có cái thẻ của nhà báo phát cho làm bằng.

Nói xong, viên ký-giả liền trình cái thẻ nhà báo ra, quan Huyện cầm xem rồi nói rằng :

— Thế được ! Vậy mà sao lúc nãy ngài lại ồm ờ mà xưng là ký giả ?

Bổ-cu-Hoạt

[1] Ký-giả : người ghi chép, người giữ việc biên-tập của tờ báo.

Ông Táo

Bà Cả có tính hay tin sự quý-thần. Tối hôm 30 tết, bà có nồi cá om giềng để ở trong bếp. Tình cờ đương đêm bà giậy ra đằng sau đi tiện, thấy có tiếng động ở trong bếp, thử tạt vào xem, thì lạ quá, nồi cá mở tung, mà vơi đi mất 4, 5 khúc, lại có một đôi đũa một cái bát, thì ra có kẻ nào đương gấp cá ăn. Bà Cả trông sau nhìn trước, chẳng thấy ai, rất lấy làm ngờ. Sự nghĩ, nay là đêm 30 tết, chắc là ông Táo đi châu giời về, ngài đói mà lấy cá ra ăn, chứ còn ai nữa ! Nghĩ thế mà bà lấy làm sợ quá, sợ rằng mình làm cho ông Táo đương ăn mà phải bỏ dở, ngài sẽ quở trách, sang năm đến kỳ lên châu Giời, chắc ngài sẽ không tâu sự tốt cho mình. Tìm cách lấy lòng, bà liền vào trong nhà lấy ngay một chai rượu ngon, một cân giò nạc, một nồi thịt rừ, một cặp bánh chưng, đem vào để ở trong bếp, chấp tay khấn vái, xin dâng ông Táo chiếu-hưởng và lạy tạ lỗi trước. Khấn xong trở vào, bà còn đứng nép một chỗ thì đã thấy ông Táo t trong số bếp hiện ra. Bà sợ ngài biết mình đứng dính thì mình có tội, vội phải lùi vào phòng đi ngủ, sáng hôm sau bà giậy thật sớm, thử vào bếp xem, thì thấy ông Táo nốc hết già nửa chai rượu, mà các món ăn thì thử mất già nửa, thử mất gần hết, ông Táo ngài vì say rượu quá hiện còn nằm lăn ra cửa bếp mà ly bì. Ủi chao ôi ! ông Táo ngài linh thiêng quá ! ngài hiện chân-thân ! Mà mấy tháng nay, ngài vẫn hiện làm vai. . . Thắng Nhỏ.

KHÂM-TRAI



Chế-độ một chồng nhiều vợ

— Này anh, cái chế độ một chồng nhiều vợ là Nam-giới lăng-miệt Nữ-giới hay Nữ-giới lăng-miệt Nam-giới, Nam-giới đáng lấy làm hồ hay Nữ-giới đáng lấy làm hồ, tôi đồ anh đấy?

— Điều đó còn cần gì phải đồ ? Ai lại không biết cái chế-độ ấy nó làm cho tổn-thiệt danh-dự và quyền-lợi của đàn bà. đàn bà biết nghĩ, họ vẫn lấy điều đó làm hồ, cho nên gần đây bọn tân-phụ-

nữ họ vẫn cổ-xương bài trừ cái chế-độ một chồng nhiều vợ. Thế thì cần gì phải đổ nữa

— Thế là anh nhầm, mà hết thấy mọi người cũng đều nhầm cả. Theo như ý tôi thì cái chế-độ ấy nó làm nhục cho đàn ông, nó chính là đàn bà lăng-miệt đàn ông, chứ không phải đàn ông lăng miệt đàn bà, anh đã biết chưa?

Lạ ! anh nói ngược đời quá ! Vậy anh thử nói cái nghĩa nó cho tôi nghe nào

— Này nhé, xin nói : như cái xe tay ở ngoài đường cái. Trên cái xe ngất ngưỡng 3, 4 người ngồi, để cho một anh phu phải kéo lật ngược, ai trông thấy thế tất cũng trích bợn ngồi xe là vô nhân-đạo, mà thương hại cho anh phu xe. Nay bọn nam-nhi mình gánh vác cái gánh nặng vợ con, khó nhọc nặng nề, nào có khác gì một anh phu kéo xe. Ấy thế mà một chồng nhiều vợ thì cũng tức là một anh phu xe phải kéo nặng 3, 4, 5 người. Vậy thì bọn đàn bà 3, 4 người xúm lại lấy một anh chồng tức cũng như họ ngồi chồng chất lên một cái xe để khiến cho một anh phu phải kéo nặng thật ruột, chính là họ vô nhân-đạo, họ lăng-miệt bọn đàn ông ta. Cái lẽ rành rành anh còn có thể cãi tới được nữa không ?

— Phải lắm ! phải lắm ! xin chịu, xin chịu. Vậy thì nay ta nên đối phó với bọn đàn bà thế nào để họ khỏi lăng-miệt bọn đàn ông mình ?

— Cũng không khó lắm, muốn thế thì ta cũng theo ý-kiến bọn tân-phụ-nữ phá bỏ cái chế-độ một chồng nhiều vợ đi. Vậy hỏi bọn đàn ông ta, chúng ta nên cùng nhau cao hô mấy cái khẩu hiệu :

Đả đảo chế độ một chồng nhiều vợ,

Chế-độ một chồng một vợ vạn vạn tuế !!

KHẨM-TRAI





Thơ phiên-dịch và phê - bình mấy bài thơ xuân trong thơ Đường

Thơ Đường là một rừng văn - chương rườm-rà, hầu đủ các món, về thơ xuân cũng có nhiều bài. Trong những bài thơ xuân đó, mỗi bài nói ra mỗi ý, cùng thì cảnh xuân mà người vui thì tả cái xuân vui, người buồn thì tả cái xuân buồn, bài nào có đặc sắc của bài ấy. Đó cũng như trong một vườn xuân, đào đẹp về hồng, liễu đẹp về xanh, mai đẹp về trắng, lan huệ lại quý về hương. Cái đó ! ai có đọc qua thơ Đường đều biết.

Thơ Đường thì hay, hay hơn hết các thơ đời sau của Tàu, nhưng mà dịch ra tiếng ta thật khó. Từ xưa các nhà văn-sỹ đã nhiều người phiên-dịch, hoặc dịch ra lối thơ, hoặc dịch ra lối văn lục bát, trong đó cũng có nhiều câu dịch tài, song, ít thấy được bài nào trọn bài vừa hay vừa đúng. Lẽ đó không lạ gì, cái nghề dịch văn-văn ra văn văn có nhiều cơ lôi-thời. Một là văn thơ của nước nào có riêng tinh-thần về tiếng nói của nước ấy, cái hay là ở chỗ tinh-thần đó. Dịch ra thứ tiếng khác thì cái tinh-thần ấy mất đi, ấy là mất hết chỗ hay. Hai là dịch văn văn đã phải theo ý của nguyên-tác, lại buộc phải có điệu, có vần, tiếng ta còn nghèo, dùng vào thơ nhiều khi túng-thiếu, thành ra dùng ép.

Việc làm thì khó như thế mà chưa chắc đã có thực-ích cho ai. Thật thế, đọc một bài thơ dịch ở thơ Đường, ít khi thêm cho người ta một cái tri-trúc về triết-lý chi chi. Như vậy bảo là vô-ích cũng được.

Song le, nó không có ích về thực-tế mà có ích về đường tinh-thần, nghĩa là những bài thơ đó cũng đủ cung cho người đọc một cuộc tiêu-khiển trong một vài phút, có khi nó còn làm cho người ta tỉnh-tỉnh được khoan-khoái ra nữa.

Cuốn sách này mục-đích cốt làm món tiêu khiển - trong ngày xuân, thì dịch chơi mấy bài thơ xuân trong thơ Đường ra đây, cũng là hợp với đình-đám.

Có điều eo-le, là, chỉ dịch trợn mà không phê-bình, e bỏ sót chỗ tinh-vi của tác-giả, mà dịch rồi lại phê-bình, tức là mình bàn văn mình, khó mà đúng được sự hay sự dở, Huống chi nghề dịch văn văn đã khó, lời dịch không thể mỗi chữ mỗi đúng với nguyên-ý của tác-giả, thế thì chỗ hay đã vậy, chỗ dở thì sao? ắt không có phép bắt tác giả phải chịu tiếng.

Thôi thì cuốn sách này là sách tiêu-khiển, dịch-giả cũng vì tiêu-khiển mà dịch chơi mấy bài để góp vào, thì lại vì tiêu-khiển mà phê-bình chơi vài câu, có thể mới là văn tiêu-khiển.

Vậy thì những lời phê-bình này chỉ nói về tỉnh-tỉnh trong thơ mà thôi, còn lời văn hay dở, nhường quyền độc-giả bình-phẩm. Dịch-giả không dám nói rằng lời dịch đã đúng và khéo, hết được tinh-thần của nguyên-văn. Nhưng, nếu ai đem những bài dịch này mà so-sánh với những bài nguyên-tác, chắc cũng biết cho kẻ dịch đã tốn công. Tốn công mà chỉ đủ cung một món tiêu-khiển trong mấy phút. Như thế, cái của «éo-le» đó không thể lấy đâu có nhiều. Nói thật, dịch-giả cạn bao nước hại bao thuốc Lào mà chỉ dịch được vài bài đó thôi.

1 Ngày xuân rượu say, ngủ giậy, nói chí mình

Ở đời như mộng lớn,
Chỉ phải nhọc thân mình.
Vì vậy, say tròn buổi,
Trước cột lằn dùng-kềnh
Tỉnh giậy ngó sân hoa,
Chim hót ran trên cành.

Ướm hỏi ngày chi tá?
Gió xuân dục con oanh.
Cám cảnh muốn than thở,
Đổi c nh lại nghiêng bình,
Hát ngao đợi trăng sáng.
Hát khúc, quên hết tình.

Bài này của Lý-Bạch, một nhà thi-sỹ có tiếng đời Đường. Ông ta là người tư-tưởng lãng-mạn; coi cuộc đời như giấc mộng, cho nên suốt đời chỉ lấy thơ với rượu làm vui. Thơ của ông ta phần nhiều pha giọng bông lông mà ngông-nghênh, không câu nệ, không gò gáp. Đọc những thơ ấy có thể tưởng-tượng tác-giả như con chim lơ-lửng trên từng mây, chẳng vương-vịn chi hết.

Bài thơ trên đây, đại đề ý-tưởng cũng gần gì ng những câu «Bán được ta mua rượu, rượu say rồi cười trâu» của ông Tú-Xương, nghĩa là hai đẳng cùng một thái-độ lãng-mạn. Khác một điều là, cái lãng-mạn của ông Tú-Xương do sự cay đời mà ra, mà cái lãng-mạn của Lý-Bạch thì gốc ở lòng chán đời.

Cả bài thơ này chỉ có một ý chán đời. Chán đời chỉ muốn ngày ngày cứ rượu rồi ngủ, đến nỗi chẳng biết ngày tháng là gì. Tới khi rượu tan, ngủ tỉnh, trông sân hoa, nghe chim hót mới biết trời đã sang xuân, thì lại nghiêng bình mà uống. Uống rồi hót, hát hết bài rồi lại chẳng nhớ rằng mình mới hát những câu gì. Phong-phẩm đến vậy thật là cực-diêm.

Thơ của Lý-bạch mà hay, phần nhiều chỉ hay về những chỗ phóng-phẩm đó.

2- Khúc oán

3- Tây cung xuân oán

*Cô cả phong the chưa biết sầu, Cung Đoài đêm vắng nước mùi hoa
Ngày xuân trang điểm thướt lên lầu Muốn cuốn rèm châu, dạ như là.
Đầu đường chợt thấy xanh tơ liễu Ôm ché cây đàn nhò bóng nguyệt
Biết chẳng cho ai kiểm tước Hầu. Chiêu dương mù mịt đám cây xa.*

Hai bài trên này là của Vương-xương-Linh, một tay tài-tử đời Đường. Cả 2 bài đều nói về sự sầu hận của đàn bà.

Bài trên tả tâm-lý của người vợ lính. Người vợ lính non người, trẻ dạ, chưa biết cái sầu là cái gì. Thình lình tô-son điểm phấn, lên từng lầu, trông thấy ngàn liễu xanh xanh, nhớ ra ngày xuân đã tới, bèn hối hận khi trước đã để cho chồng ra lính đăng kiểm công-danh.

Bài dưới tả tâm-lý người vợ vua. Vợ vua ở Tây-cung, đêm xuân êm ả, sức thấy mùi hoa bát ngát, lòng xuân ngồn ngàng. Bấy giờ quần bức rèm châu, theo bóng trăng nhòm sang cung Chiêu-dương là chỗ vua ở, nhưng mà bóng cây mù mịt làm khuất bóng cung Chiêu-dương.

Hai bài này lời văn không dùng đến chữ gì là chữ oán hận, mà cái ý oán hận chan chứa ở ngoài lời, bài trên như vẽ tâm-lý của người vợ vua lâu ngày không được vua vờn đến. Văn tả-tình như vậy là khéo.

Ngày xuân nhà núi

Trời tối, vườn Lương quạ dập diều,
Mấy chòm nhà cửa vắng teo-teo.
Cây sâu chẳng biết người đi hết,
Xuân tới, hoa xưa vẫn nở đều.

Bài này tả cảnh một nơi vườn hoa của Đế-Vương lâu đời bỏ hoang, lời văn không có gì cầu-kỳ mà ý tứ rất rồi-rào, đọc lên nghe thật tiêu-sái.

Đêm trăng, hoa, trên sông mùa xuân

Con nước lòng sông thăm mặt khơi,
Nước lên, trăng cũng ló bên vờ
Long-lanh làn sóng nghìn muôn dặm,
Một giải sông xuân sáng rực trời.

Giòng sông khuất-khúc lượn rừng hoa,
Trăng dọi, hoa rừng tựa tuyết xa,
Xương bốc lung trồi hơi lún-phún,
Cát phơi mặt bãi bóng mờ-lòa.

Một trời, một nước sắc trong veo,
Giữa trời vắng vặc mảnh trăng treo.
Trăng trên sông, hỏi ai coi trước ?
Trăng soi người, biết tự năm nao ?

Người sinh kiếp-kiếp lại đời-đời,
Trăng mọc năm-năm vẫn thế hoài,
Chẳng hay trăng có riêng ai tá !
Thăm thăm giòng sông ngọn nước trôi.

Trên sông, mây trắng, bóng cây xanh,
Cây ấy, mây kia, một mối tình.
Đứng đỉnh thuyền đêm ai đó nhỉ,
Tựa lâu thương kẻ ngóng trăng thanh :

Lầu cao, người vắng, dạ bùi-ngùi,
Theo dõi dài trang trắng cứ soi,
Soi bức rèm châu, soi đá giặt.
Quấn lên không mất, rửa khôn trôi.

Dưới trăng chung bóng, người đôi phương,
Muốn đuổi theo trăng bạn với chàng.
Con nhạn bay cao, rờn lặn kín,
Cây ai mang công bước đường trường

Chiêm-bao đêm nọ, thấy rơi hoa,
Xuân tới, người đâu chữa lại nhà
Nước chảy xuân đi, xuân muốn hết
Trên sông trăng đã bóng tà-tà.

Trăng tà, trăng lặn tit chân trời,
Non nước trông theo, bóng tuyết vời.
Trăng khuất, cây ngàn tình chưa dứt.
Theo trăng trở gót, những ai ai ?

Bài này lấy ba cảnh trăng, hoa và sông làm đầu-đề. Trong bài xoay đi chuyển lại, không chỗ nào rời ba cảnh đó. Đoạn giữa tả một người du-tử, nhân thấy trăng mà nghĩ đến người phòng không gối chiếc ở nhà, rồi từ đó trở xuống, tả đến sự tưởng-nhớ của người đàn bà vắng. Vậy mà lời văn tao-nhã, ý tứ lâm-ly, thật là bài văn hay.

THU- PHONG

Tình xuân vương vấn ...



Ngày xuân có ngời khêu, Lòng xuân có nghĩ sầu?
Tơ vương trăm đoạn rối, Khăn hồng đầm giọt châu.



Phong cảnh chùa Ngọc-Sơn và hồ Hoàn-Kiểm ở Hanoi

CHUYỆN VUI

Ngày xuân xướng-họa

Nhấn mặt với xóm bình-khang, ông Hàn-chọc ăn chơi đã nổi tiếng. Thường thường ông vẫn tự phụ là nhà văn-sỹ, có tài xuất-khẩu thành-chương. Ngồi với chị em lúc nào là ông giở ngay thơ ra lúc ấy. Chỉ vì tiền hát ông hay lơn-khươn, nên bạn hồng-lâu ít người hoan-ngheh.

Tối ba mươi tết, ông Hàn còn lần mò đến nhà Đầu Xuyên lấy tình quen thuộc, hẹn rằng ngày mai sẽ xuống hát mở hàng. Đầu Xuyên đã cố từ chối nhưng ông không nghe.

Sáng giờ sáng ngày mồng một, cánh cửa vừa ngỏ, lù-lù ông Hàn đã tiếp vào rồi, cực chẳng đã, cô Xuyên phải ra tiếp. Sau khi đã khai trống, khai đàn, khai sênh, khai phách cho cô Xuyên. Ông Hàn cũng « khai khẩu » luôn cho nghề thơ của mình

Năm mới, năm me, ối me ơi !

Mở hàng anh hát một châu chơi,

Câu thơ « khai khẩu » này xin chúc :

Khách hát năm nay « đặc » tựa ruồi,

Đọc xong, ông Hàn vỗ đùi đen-đét, miệng khen thơ hay, và ông cắt nghĩa chữ « đặc » đặt tài lắm, vì « đặc » tức là « đông » chữ « đông » khổ-độc, nên dùng chữ « đặc » Thế rồi ông bắt Đầu Xuyên phải họa vắn lập tức, Đầu Xuyên cũng lanh mồm-mép, liền đọc mấy câu như vầy :

*Thơ-thống làm chi cụ Chọc ơi,
Chẳng qua hát thi một châu chơi.
Lạy trời đừng gập khách như cụ,
Hát chịu thà em ngồi đuổi ruồi.*

Ông Hàn thấy Đầu Xuyên xỏ mình, có ý không bằng lòng nhưng vì năm mới, không muốn sinh sự, bèn đọc mấy câu trả lời :

*Bắn túng cho nên chịu mấy châu.
Xưa nay ai đã quật ai đâu!
Nghĩ cho những lúc tiền đem giả,
Mợ nó lăm le đánh võ đầu.*



Gheo cô hàng rượu

Túy-Sinh đã có phen chỉ rượu say đến nỗi khát nước quá ! Vì khát nước quá mà « bị » cô hàng bán nước khinh-miệt đến nỗi đã phải « phun » ra bài hài-văn « Gheo cô hàng bán nước » Nay đã « Tỉnh-ngộ » thời ôi thôi ! Nồi giống đã yếu hèn, phổi tim đều khô-ráo ! Vì thấy các con đũa nào cũng gầy như cái sậy, dốt tựa con bò, mà cô bán nước thời cũng đã « xác vờ » không còn xuân-sắc nước-non gì như trước nữa ! Buồn quá, lấy gương soi mình thời cũng thấy : má bóp, mặt nhăn, mắt đờ, tóc bạc, không còn được như lúc chưa dúng đầu vào làng say, thế mới biết « Rượu là thuốc độc » nghĩ lại càng căm cô hàng rượu đã lấy xác đẹp hương thơm khéo rử người, làm cho ai « tê-tái mẩn-mề » rút cục lại : tiền mất tật mang « tiếng-tăm be-bét ». Nào có thể mà thôi, cô hàng rượu lại còn có ý chê mình là « mất tiền mà dại » vì cứ thấy mềm môi là « nốc » mãi, có hay đâu ai người ta vì mình sẽ ngọt chia bùi, ăn cay uống đắng, chẳng qua cũng « vị tiền » mà « đưa-đầy » chứ, sống chết mặc bay. nhân nghĩa gì với phường « qua sông nước chầy ». !

Tức chưa ! thói đời ảm lạnh nghĩ lại căm gan, liền viết mấy câu thơ ghẹo (đề vào vỏ chai rượu) rồi sai con đem giã.

Thơ rằng :

Lấy sắc chêu người chữa chết a !
Còn toan lấy rượu hại người ta ?
Vi không sớm tỉnh, say xưa mãi.
Lệch cả giang-sơn đồ cả nhà. (1)

Lương-Túy-Sinh

(1) Người say rượu thì trông vũ-trụ cũng đảo-điên





CHUYỆN LẠ NƯỚC NHÀ

Chuyện người thợ mộc làng Nam-hoa



Đời nhà Lê, ở làng Nam-hoa thuộc huyện Thanh-chương (Nghệ-an) có một người thợ mộc rất khéo. Làm cái đình làng Nam-hoa, qui-mô thể-chế, khéo léo như thần, xa gần đến xem đều phải ngợi khen là dấu Lỗ-Ban, Ly - Lân ngày xưa cũng không theo kịp. Một hôm người thợ ấy đương ngồi ở nhà, bỗng thấy có hai người

từ ngoài đi vào, nói rằng : Chúng tôi vâng mệnh Long-quân lên đây đón ngài » Người thợ toan từ-chối thì hai người ấy nói : « Long-quân đã vời mà không đi thì tai-vạ không phải nhỏ đâu. Vả ngài đi làm điện-đài, xong sẽ lại trở về, can gì mà phải từ-chối, để rước lấy vạ »

Người thợ thấy nói thế không đi cũng sợ, đành phải sắm sửa đồ lễ theo hai người đi. Rồi ma đi đến một chỗ kia, nước sông rẽ ra lam đôi, người thợ đi xuống sông thấy cũng như đi trên đất phẳng Chỉ độ nửa khắc đã đến một chỗ cửa đền. Đức vua ngồi trong đền truyền gọi bảo rằng :

« Trẫm muốn làm một tòa đền, gỗ sắm đủ cả, nghe nhà người là người thợ khéo bậc nhất, vì vậy mời xuống đây để làm giúp trẫm, người nên cố làm cho thật đẹp, sau khi落成 - thành, trẫm sẽ trọng-thưởng cho. »

Đó rồi chọn ngày khởi công. Người thợ vâng lệnh làm 50 gian lớp chính-diện, 30 gian cung Hoàng-hậu, và 20 gian cung Thái-tử. Sau 3 năm, công việc mới xong, người thợ xin về. Long-quân ban cho một cái hộp, phong khóa rất kỹ, và bảo rằng :

« Dương-gian, âm-phủ, không giống như nhau, vậy việc ở chốn Long-cung, sau khi về dương, người chớ có được tiết-lộ nhé. »

Đoạn rồi lại sai hai sứ-giả đưa tiền cho về. Về đến nhà thì vợ con tưởng là đã chết, ba năm tang - chế đã vừa đoạn xong. Họ hàng, làng xóm nghe tin đều kéo đến thăm và hỏi chuyện rất đông, song người ấy đều không giám tiết-lộ một tý gì cả. Mở cái hộp xem thì thấy trong ấy có 30 hạt minh-châu. Người ấy bèn đem ra kinh-kỳ, gặp được người lái buôn Ba-tur, người lái trông thấy hạt châu bảo rằng :

« Hạt châu này là của con rùa già nó thoát xác ra, thật là một vật hiếm có ở dương-thế ».

Người lái bèn định giá mỗi hạt 5 trăm quan tiền. Người thợ bán 20 hạt, được một vạn quan, còn 10 hạt cất đi để dành. Từ đấy người ấy giàu có bậc nhất trong huyện, thợ đến 75 tuổi mới mất. Trước khi mất, đem việc năm xưa xuống Thủy-cung kể cho vợ con nghe rất rành, nói xong thì mất ; 10 hạt châu trong hộp, bỗng dưng cũng đều mất hết cả.



Cảnh chùa Ngọc-sơn Hanoi

Truyện nhà sư xuống Long - cung

Lại xét ở chùa làng Du-toàn huyện Thanh-Trì, thừa xưa có truyện một nhà sư tu trì, hiền thông giới-pháp của nhà Phật. Bỗng một khi Long-quân sai bộ-hạ đón nhà sư xuống thủy-phủ, thiết-lập đàn tràng, sai tụng-kinh suốt 7 đêm ngày rồi mới cho về, lúc về cũng tặng cho một quả cam đỏ. Về đến chùa, nhà sư xem quả cam ấy thì té ra một khối vàng mười, giá đáng nghìn, muôn. Nhân thế mà nhà sư trở nên giàu lớn, tậu được đến một nghìn hơn hai trăm mẫu ruộng, mua làm hậu-thần ở làng ấy, lại đặt một nghìn quan tiền làm món tiền hương-hỏa ở chùa, đến nay ở làng ấy hiện vẫn còn cả ruộng cả bia.

Đem truyện nhà sư này so với truyện người thợ mộc trên kia thì cũng giống giống như nhau.



Tháp hồ Hoàn-kiểm Hanoi

Chuyện mộng ở đền Quan-thánh

Đền Trấn-vũ (tục thường gọi là Quan-thánh) ở bờ hồ Tây Hanoi, thờ đức Huyền-thiên Chân - quân. Đền dựng lên đã lâu. Đời nhà Lê, chúa Trịnh có sai đúc pho tượng đồng đen để thờ, nặng 1 nghìn 6 trăm cân. Tương - truyền là đức Chân-quân ngài rất thiêng liêng, cho nên thua xưa những học-trò đi thi phần nhiều sửa lễ đến đền lễ đảo rồi ngủ ở đấy để cầu mộng. Song sự mộng thấy rất là mập mờ khó đoán ra được, phải đợi sau khi việc đã qua mới có thể nghiệm ra mà biết. Nay xin thuật mấy câu chuyện mộng của những học trò đi thi đời Lê cầu mộng ở đền ấy như sau này:

Ông Phạm-công-Trứ người làng Liên-xuyên huyện Đường-hào, mộng thấy có người viết một chữ « hoǎng » (1) ở dữa nhà mình. Ông lấy làm sợ, chẳng dám nói chuyện với ai cả. Rồi mà đến khoa Mậu-thìn, ông đỗ tiến-sĩ, làm quan đến chức Tham-lung, Lại-bộ Thượng-thư, kiêm Đông-các đại-học-sĩ, quản việc 6 bộ, Thiếu-bảo Yến-quận-công, tể tướng Thái-tể, trí-sĩ rồi mất. Lúc mất, quan giữ việc làm sử chép rằng: « Phạm-công-Trứ hoǎng ». Bấy giờ con cháu mới biết là nghiệm.



Ông Nguyễn-quốc-Trình người làng Nguyệt-Áng huyện Thanh-trì, mộng thấy ăn hai cái đầu người. Đến sau đỗ đầu khoa thi hương (giải-nguyên), lại đỗ trạng-nguyên khoa kỷ-hợi, niên hiệu Vĩnh-thọ thứ hai (1659) người ta đều bảo là đã ứng với giấc mộng ấy. Đến sau ông làm quan đến Tả-thị-Lang bị bọn kiêu-binh đánh chết ở cửa phủ Chúa-Trịnh, Chúa-Trịnh thương quá, tặng cho chức Hình-bộ Thượng-thư, tước Quận-Công, truy - phong làm phúc-thần và cất dùng con cháu, sai chêm tên. Nhưng tên Kiên trong bọn kiêu-binh, lấy hai cái đầu lâu tể ở mồ ông. Bấy giờ cái mộng ấy mới nghiệm.

(1) Hoǎng là chết, nhưng chỉ những bậc vương công khi chết mới được gọi là hoǎng.

Ông Nguyễn-Minh-Triết người làng Lạc-sơn huyện Chí-linh (Hải-dương), mộng thấy câu thơ rằng : « Độc thư đáo lão vị thành danh » (đi học đến già chưa thành danh). Ông lấy làm buồn, sự học cũng hơi sinh chênh mảng. Về sau ông thi đậu rất muộn, mà năm Tân-vị niên-hiệu Đức-long thứ 3 (1631) ông đậu Thám-hoa. Bấy giờ mới biết chữ « vị thành danh » có nghĩa là năm Vị thi thành danh vậy.

Khoa Nhâm-thìn niên - hiệu Quang-hưng thứ 15 (1592), ông Trịnh-Cảnh-Thụy người làng Thân-bái huyện An-định (Thanh-hóa) mộng thấy mình gánh hai người Tàu. Đến lúc ra bảng thì trên bảng chỉ có 3 tên : Ngô-trí-Tri thứ 1, Ngô-trí-Hòa thứ 3, mà mình thì thứ 2 ở giữa. Mới biết hai người Tàu tức là hai ông họ Ngô.

Khoa Quý-hợi niên - hiệu Chính-hòa thứ 4 (1683), người làng Hoài-bảo huyện Tiên-du (Bắc-ninh) là ông Nguyễn-đăng-Đạo cùng với người làng Phù-kê huyện Đông-ngạn là ông Quách-dai cùng ngủ cầu mộng. Đăng-Đạo nằm mãi chẳng mộng thấy gì cả, bèn dậy lấy bút đề lên bức tường rằng ; « Quý - thần không biết việc nhân gian, ta chính khoa này đỗ Trạng-nguyên ». Quách-dai vẫn còn nằm, mộng thấy có người đưa cho một cành hoa mà bảo rằng : Chữ « biết » nên đổi làm chữ « lộ » (1) mới phải. Khoa ấy Đăng-Đạo đỗ Trạng-nguyên mà Quách-dai thì đỗ Thám-hoa.

Ông Trương-Thời người làng Nhân-mục-cự huyện Thanh-trì (Hà đông) đêm nằm mộng chẳng thấy gì, nửa đêm vô ý nằm đuổi chân về phía trước tượng, bỗng nghe thấy có người mắng rằng : « Anh Hoàng Giáp chết non này sao được vô lễ như thế ! » Khoa ấy Trương-Thời 21 tuổi đỗ Hoàng-Giáp chỉ được vài năm thì mất.

Ông Lê-quý-Đôn người huyện Diên-hà (Thái-bình) ngày mới đỗ giải-nguyên, đến cầu mộng thấy thần cho 4 chữ : « khám

(1) Quý-thần chẳng lộ việc nhân gian.

đoài, trấn, căn », chẳng hiểu nghĩa là thế nào cả. Sau đến khoa Nhâm-Thân niên hiệu Cảnh-hưng thứ 13 (1751) ông đồ Bảng-nhơn, bấy giờ nghĩ ra mới biết là nghiệm. Bởi vì khảm là nhâm-thủy, đoài là thân - kim, trấn là mộc, chữ mộc là một nửa chữ nhơn, vậy 4 chữ ấy ý nói là Nhâm-thân Bảng-nhơn.

Ấy những câu chuyện mộng ở đền Trấn-vũ như thế không sao kể hết.

NGÔ-SƠN cư-sĩ
biên-thuật theo trong dã-sử.





Thích

Nói chuyện Văn-thơ

Lâu nay trên báo thường thấy có nhiều bài thơ Khảng-khái về lời, nghĩa là người ta cố ý gò gáp cho được những chữ « nợ-dân », « nợ nước », « bầu máu nóng », « tiếng cuộc kêu » để tỏ ý thương nòi thương nước. Điều đó hoặc giả cũng bởi sự xu-hướng của xã-hội gây ra. Song riêng về phần tôi, thì mỗi khi đọc những câu thơ như thế, không khỏi tức cười.

Ở đời, lời nói với việc làm và bụng nghĩ thường không đi cùng với nhau. Cho nên thánh như cụ Khổng cũng phải than rằng : « Xét người bằng Lời nói, ắt phải lằm với thầy Tề-Dư. »

Mà thật vậy, lời nói của người đời, phần nhiều chỉ có từ cưỡng hòng phu ra, không phải ở tự tim phổi. Huống chi lời nói đã theo ngòi bút mà hiện lên mặt giấy thì càng xa tim-phổi nhiều lắm. Thử coi những văn - tế văn-chương và câu đối đám ma, thiếu chi giọng lâm-ly thảm thiết, mà tác-giả toàn là hạng thương vay khóc mướn có cảm-tình gì đâu ? Thơ ái-quốc cũng vậy. Và lại thương dân thương nước mà thương bằng thơ đăng báo, thì cái thương ấy có lẽ chỉ có ở trên mặt báo mà thôi.

Mới đây có người đọc cho tôi nghe hai câu thơ rất Khảng-khái như vậy :

*Nợ nước chưa đền được một hai,
Nợ nhà lại gắp mới nguy tai.*

Lời văn tuy không ra sao, mà thật có giọng ái-quốc. Người đọc lại hai câu đó có nói cho tôi biết rằng : tác-giả hai câu ấy là một nhà chí-sỹ, nhưng hẳn lại giấu không nói tên họ vì chí-sỹ ấy là gì ? Hỏi có đăng báo không thì hẳn đáp là có, tôi cười mà rằng : « Sự nghiệp ái-quốc của nhà chí-sỹ này chắc chỉ gói ghém vừa tròn vào hai câu thơ ấy. »

Bài thơ « Long-thành hoài-cổ » của bà huyện Thanh-quan ai coi cũng phải chịu là hay, nhất là hai câu : ba, bốn, khéo dùng những chữ « hồn thu-thảo », « bóng tịch-dương », đọc lên chẳng khác gì coi bức tranh vẽ cảnh đô-hội khi tàn. Dem so với những câu « Vương hầu đệ trạch giai tân chủ », « văn võ y-quan dĩ tịch thi » của Đỗ Phủ thì hai câu này còn khéo hơn nhiều. Tuy vậy, nói về toàn-thể thì bài đó có một khuyết-diểm rất lớn. Chép lại mà coi thì biết:

*Con tạo gây chi cuộc hi-trường,
Nhằm nay đã chải mấy tình xương.
Giấu xưa xe ngựa hồn thu-thảo,
Nền cũ lâu-đài bóng tịch-dương.
Đá vẫn tro gan cùng tuế-nguyệt,
Nước còn cau mặt với tang-thương.
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ,
Cảnh đây, người đây lưỡng đoạn-trường.*

Đầu đề là « Long-thành hoài-cổ » mà trong bài không chữ nào nói đến Long-thành. Đó là sót mất một điều cốt-yếu thứ nhất. Giả sử bài đó đem đổi đầu-đề ra « Loa-thành hoài-cổ » thì cũng không trái chữ nào, mà có lẽ còn sít-đề hơn. Vì thành Cổ-loa mới thật là chỗ đô-hội đã tàn, phong-cảnh rất hợp với hai câu « Giấu xưa xe ngựa hồn thu-thảo, nền cũ lâu-đài bóng tịch-dương ».

Thơ mà đến thay đầu đề đi cũng được, thì là khuyết điểm. Có người muốn chữa lại chỗ khuyết điểm đó, bỏ bớt hai chữ « Long-thành » ở đầu đề đi. Nhưng chữa vậy cũng không ăn thua gì cả. Vì lối thơ hoài-cổ không thể nói cách lông-bông. Dù đầu-đề không nói rõ xứ nào, người nào đi nữa, nhưng trong bài cũng phải chỉ đích về một người hay một xứ hoặc một việc nào đó. Không thế thì không ra bài gì.

Từ khi Hán-học bị bỏ, thơ ca đăng báo rất nhiều, mà thơ thông rất ít, thơ hay càng ít nữa. Vì vậy nhiều người cho là nghề thơ bây giờ suy-kém hồi trước. Cái đó là đúng sự thực lắm. Song cũng không nên lấy những bài thơ trên báo làm mực mà bình-phẩm sự thịnh, suy của nghề thơ. Lắm người làm thơ rất hay, mà không hề đăng báo bài nào.

Tôi có người bạn vốn là một tay Hán-học sau, khi đã hỏng phúc hạch khoa thi Nam-định cuối cùng, mới xoay ra đi học chữ Pháp. Mà toàn là học lấy, học lỏm chớ không ngồi nhà trường ngày nào. Thế mà ông ta cũng cướp được mảnh bằng Thành-chung, hiện làm giáo-học ở một trường Pháp-việt nọ. Lúc mới đi giấy học, ông ta có bài ngẫu-hứng rất hay, tôi quên sáu câu, chỉ nhớ hai câu năm sáu như vậy :

*Công danh cuộc bạc đêm hầu sáng
Văn-tự hàng hoa chợ xế chiều.*

Văn thơ cảm-động tính-tình người ta rất mạnh, có thể làm cho người buồn, có thể làm cho người vui, lại có thể làm cho người ta thay đổi chí-hướng đi nữa. Nhất là những khách có-phòng, người lữ-thứ lại dễ bị cảm dỗ hơn người khác,

Trước đây ở miền Bàn-thạch tỉnh Quảng-nam có người đàn ông cưới vợ được ít ngày thì đi vào tỉnh Mỹ-tho rồi lấy vợ khác ở đó. Người vợ ở nhà nhiều lần gửi thư giục về mà anh ta không chịu về. Sau hết nhận được lá thư nói rất cảm-động. anh ta bèn thu xếp hồi-hương và ở luôn nhà với vợ cũ. Lá thư ấy người ta nói của ông Tú Trường-xuân làm ra. Lời thơ như sau :

Biệt-ly ới hồi !

Duyên nợ đành phai !

Bức Hồi-văn (1) thêm-dệt vì ai.

Ngâm Chính-phụ thở than nơi đó.

*Kể từ thuở trao tơ gấn-bó, bến Mỹ-tho ngàn dặm tẻch buồn lan;
Xót ghe phen chịn nổi gian-nan, chợ Bàn-thạch một mình như khúc gổ.*

Nhà giữa chợ tuy rằng vỏ có, song hải còn thiếu ruột, thiếu gan.

Thiếp ở đây chẳng có chồng ngoan, làm sao đứng nên hình nên dáng ?

Thiếp cũng quyết trăm năm gánh vác, lo cho chàng mà tính cũng cho chàng.

Chàng chẳng hề một chút yêu-đang, đôi mặc nó mà nó thì mặc nó.

Chẳng nói ra khôn tường dạ đỏ,

Nói ra thì thấu đến tim đen

1. Hồi-văn là lá thư của nàng Tô-Huệ gửi cho chồng.

Một mình lo khi tối mất tắt đèn, em đại, cháu lại hèn đã không
kẻ lòng tin, dạ cậy ;

Hai nữa sợ lúc vang mình sốt mảy, con không, chẳng chẳng
thấy, biết lấy ai đỡ xuống, bỗng lên ?

Não-nùng thay hai chữ ân-tình,

Ngao-ngán bấy một giây duyên-nợ.

Ngày qua lại thấy những người chồng vợ, sức nghĩ mình, lụy
nhỏ chứa chan ;

Đêm nghỉ ngơi ôm chiếc gối mơ-màng, riêng tủi-phận, ruột đau
quặn-thắt.

Phải chi anh đi lính, bình nam-di, bình khấu-tặc, đánh thành
Đông, xô lũy Bắc, mà mang câu ly-hương khừ-lý cũng ưng tình,

Phải chi anh làm quan, tại Biên-quận, tại Triều-đình, sớm
việc thuế, tối việc binh, mà chịu chữ vị-quốc vong-gia cho đáng
kiếp.

Phải chi em lang-tâm thất-tiết, bởi vậy nên xấu hổ phải bon
churn

Phải chi em ác-khầu ngoa-ngôn, cực chẳng đã ghen ngừng
nên cất gối.

Nghĩ lại thật không chỗ nói.

Cớ sao mà vội ra đi ?

Vì ai xui phượng cách loan ly ?

Vì ai khiến nhận Nam én Bắc ?

Sao chẳng tưởng thề non hẹn nước, nói cùng nhau sống gửi
thịt, thác gửi xương ?

Đến bây giờ dục ngựa buông cương, coi ra thể được càn lệ,
ché cảnh lự.

Dầu anh được sớm bình chè, tối bình rượu, cũng nhớ khi
ước lã quấy nên hồ

Dầu anh được mai mớ nhiều, chiều mớ số, cũng nhớ thừa xé vai-
mà vá vạt.

Anh lới đó ngựa xe rộn-rịp, chúng cũng kêu một gã vong-thê.

Thiếp ở đây quần áo phủ-phê, người cũng gọi một con khí-phụ.

Phải chi thiếp gái trai đều đủ, chồng có quên còn cậy chút con.

Cái này em thân-phận chon von, chồng đã phụ biết ai gửi xác.
 Bởi vậy nên xác ve mình hạc,
 Bởi vậy mà tóc bạc da vàng. (2)

Từ năm trên thuyền thiếp quá-giang, kể hết mọi đàng mà
 chàng chẳng một phen qui-phản.

Đến thảng trước thuyền chàng quá vắng, tin ra đòi đoạn mà
 chàng không một chuyển phản hồi.

Mặc chàng dầu tình bạc như vôi,

Đáy thiếp cũng lòng son gĩa mực.

Bằng nay thiếp nhảu nhe tin tức, cổ khuyển chàng nó nức đồ
 hồi.

Như phen này chàng chẳng qui lai, nguyên phen khác chàng
 đừng thấy thiếp.

Trong các bài văn quốc-âm phiên dịch của văn Tàu, ta phải
 nhận bài Tỳ-bà-ký của ông Nguyễn-công-Trứ là khéo nhất. Suốt
 bài không bỏ sót một ý nào của nguyên-tác, thế mà không chữ
 nào gò gập, không vần nào dùng ép, không câu nào mất vẻ tự-
 nhiên của tiếng ta. Không chỗ nào có giấu-vết là bài văn-dịch.
 Dịch mà đến vậy, thật thánh !

Cô đầu hát Tỳ-bà văn đọc trước một bài thơ tám câu là bài
 dịch thơ thu-hứng của Đỗ-Phủ, rồi đọc đến bài Tỳ-bà của
 Nguyễn-công-Trứ dịch, vì thế có nhiều người tưởng rằng bài thơ
 tám câu đó cũng do ông Trứ dịch ra. Đoán vậy là sai. Hãy đọc
 lại bài thơ đó thì sẽ biết không phải ông Trứ đã dịch.

Lác-dác rừng phong hạt móc sa,
 Ngàn lau hiu-hắt khi thu già,
 Lưng trời sóng gợn, lòng sông thẳm.
 Mặt đất mây đùn, cửa ải xa,
 Khóm cúc tuôn rơi giòng lệ cũ.
 Con thuyền buộc chặt mối tình nhà,
 Lạnh lùng dục kẻ tay dao thước,
 Thành quách, gần xa bóng ác tà.

2.- Câu này không biết có đúng với nguyên-văn không, vì người đọc lại
 bài đó cũng nhớ ngờ ngờ, không chắc có phải như thế.

Bài này câu đầu và hai câu ba, bốn rất đúng với nguyên-tác, lời văn cũng hay lắm. Còn các câu khác thì thường vậy không hay, không dở, duy có câu thứ hai và câu thứ tám thì sai hết ý của nguyên-tác.

Ở nguyên-tác, câu thứ hai là :

« Vu-son Vu-giáp khi tiêu xâm »

Mà dịch ra :

« Ngàn lâu hiu hắt khi thu già »

Thì là bỏ bớt chữ Vu-son Vu-giáp mà thêm vào cái cảnh « Ngàn lâu hiu hắt »

Câu thứ tám ở nguyên-tác là :

« Bạch-đế thành nam cấp mộ châm »

Mà thành ra :

« Thành quách gần xa bóng ác tà ».

Đem bài này mào với bài Tỳ-bà-hành của ông Nguyễn-công-Trứ đã dịch thì thấy hơn kém khác nhau xa, vì bài Tỳ-bà-hành không chịu thêm vào bớt ra, làm sai nguyên-tác như thế. Coi đó biết rằng bài này không phải ông Trứ dịch ra. Có người dịch lại bài ấy như vậy :

Lác đác rừng phong, hạt móc bay,

Non Vu hiu hắt quạt hơi may,

Lòng sông cồn cộn trời liên sóng,

Cửa ải lơ mờ đất rợp mây,

Lệ cũ tuôn theo chòm cúc nở,

Hồn quê lai láng chiếc thuyền đầy.

Áo thu dục đã tay dao thước

Thành quách trời hôm rộn tiếng chày.

Bài này cố ý định lấy đúng với nguyên-tác, nhưng mà lời văn chưa thoát, hai câu bảy và tám lại câu-nệ quá. Vả lại, chữ « tiếng chày » cũng chưa đến nghĩa giặt vải.

Ấy cũng bởi nguyên-tác là văn khó dịch, không thể nào mà dịch được đúng.

NAM-SONG

Các ngày hội lớn của ta trong mùa xuân

Đáng lẽ có phụ thêm một mục nói về ngày sáu tốt cưới xin, nhưng tưởng cũng không cần, nên bỏ đi.

1 - Giỗ trận chùa Đồng-quang

Đồng-quang là một nếp chùa lớn ở ngay đầu Ấp Thái-hà, liền với bên đường xe-điện. Hằng năm cứ đến mồng năm tháng giêng âm-lịch, tại chùa này có mở cuộc hội, người ta gọi là giỗ trận, chính ngày đó đàn ông, đàn bà ở Hà-thành và các nơi xa-gần đến chùa lễ-bái rất đông, nhất là những hạng đồng-bóng, người nào người nấy khăn châu áo ngự tời đỏ mà nhẩy.

Ai đã đọc qua quốc-sử, chắc cũng biết ngày giỗ trận là ngày gì.

Ấy là ngày vua Quang-Trung đánh tan quân Thanh, giữ quyền độc-lập cho giang-sơn Việt-Nam.

Bấy giờ vì vua Chiêu-Thống nhà Lê không hiểu cái hại « công rắn cắn gà nhà » là gì, thầy và tớ một lũ kéo nhau sang Tàu cầu cứu. Vua Thanh muốn nhân cơ-hội mà chiếm nước ta, mới sai Đề-đội Lương-quảng là Tôn-sỹ-Nghị và Thái-thủ Điền-châu là Sầm-nghi-Tổng đem mười mấy vạn quân qua Nam-quan đến Thăng-long. Vua Quang-Trung ở Qui-nhơn được tin đó, lập tức đem quân gấp đường thẳng ra. Đánh nhau mấy trận, quân ta đều thắng, tới sáng mồng năm tháng giêng, đánh một trận nữa tại chỗ gần gò Đống-Đa, chém giết quân Thanh rất nhiều. Bên kia Sầm-nghi-Đổng bị chết tại trận, Tôn-sĩ-Nghị phải thu nhặt quân tàn chạy về Tàu, cái gò Đống-Đa tức là chỗ chôn những hài-cốt quân Thanh chết về trận đó.

Ngày mồng năm tháng giêng thật là ngày có vẻ vang trong lịch-sử, đáng để ngàn thu kỷ-niệm. Vậy mà người ta không thêm kỷ-niệm công-liệt của vua Quang-Trung mà trở lại cúng giỗ bọn lính Tàu chết trận đã là vô ý-thức lắm, huống chi lại nhân ngày đó mà lễ-bái, mà nhẩy múa với nhau, thức-giả không khỏi vừa thương vừa giận.

2 - Hội chùa Đẽ-Thích

Chùa Đẽ-Thích ở phố chợ hôm là một ngôi chùa có tiếng ở Hanoi, am-viện thanh-u, phong-cảnh tịch-mịch, thật xứng đáng là chỗ thiền-môn. Hàng năm cứ đến mồng chín tháng giêng Âm-lịch, tại chùa này có làm lễ rất lớn, người ta gọi là ngày vía Phật, các nhà tu-hành và thiện-nam, tín-nữ các nơi đến lễ rất đông.

Theo như trong kinh Phổ-diệu đã chép, thì khoảng trước Dương-lịch 556 năm, nhằm năm thứ 14 vua Linh-vương nhà Chu bên Tàu, ngày 8 tháng tư, Thủy-tổ đạo-phật là Thích-ca Mâu-ny đầu thai vào bụng bà vợ vua Tĩnh-phận ở Ấn-độ, đến ngày mồng 9 tháng giêng năm sau là năm trước Dương-lịch 557 năm, khi bà vợ vua Tĩnh-phận giờ tay hái hoa Vô-Uu thì ông này chui ở nách bên hữu bà kia mà ra. Vậy thì ngày 9 tháng giêng tức là sinh nhật của Phật tổ cho nên mới có cái tên vía Phật, trong ngày đó tại khắp các chùa Bắc-kỳ đều có làm lễ, riêng chùa Đẽ-thích thì làm lễ lớn hơn,

3 - Hội làng Phù-Ứng

Công-liệt trong mấy trận đánh đuổi quân Nguyên, ngoài mấy ông Tôn-thất nhà Trần như Quốc-tuấn, Quang-khải, Nhật-duật, « Chúng ta phải kể đến ông Phạm-ngũ-Lão, Ông này là người làng Phù-Ứng huyện Đường-hào (Hải-dương) tài-khí rất bậc, ham đọc sách, lại khẳng-khải, có chí lớn, trước làm gia-tướng của ông Trần-hưng-Đạo. Trong khi quân Nguyên lấn cướp nước ta, ông cùng các ông Tôn-thất nhà Trần đã nhiều lần ra trận lập được công to. Sau đó, vua Nhân-tôn giao cho coi đốc cả đạo Hữu-vệ Dực-thánh-quân, mấy lần đi đánh Ai-lao, Chiêm-thành đều được vua phong làm chức Điện-súy. Khi mất thọ được 66 tuổi. ?

Trong lúc làm tướng, ông coi quân rất có kỷ-luật, đãi tướng-tá như người nhà, cùng với lính tráng cùng cam-khổ, những quân của ông đối với ông đều có tình thân như con với cha, vì vậy mà đánh đâu được đó, suốt đời không bị thua trận nào. Tới khi ông mất, vua sai lập đền thờ tại làng Phù-Ứng là chỗ quê-quán của ông.

Bây giờ hàng năm đến ngày 12 tháng giêng âm-lịch, tại làng đó mở hội rất lớn, đó cũng là một cách kỷ-niệm anh-hùng vậy.

4 — Hội Lim

Làng Lim tên chữ là Lũng-giang, thuộc tổng Hồi-Bảo huyện Tiên-du (Bắc-Ninh). Tại làng này có ngôi chùa rất đẹp cất trên một ngọn núi nhỏ gần với huyện lỵ huyện Tiên-du. Mỗi năm cứ đến 13 tháng giêng ở chùa đó mở hội kỳ-phúc, trai lành gái tốt các nơi đến xem rất nhiều.

Cái đặc sắc của hội Lim là tục « hát quan họ ».

Lối hát quan họ cũng gần như các lối ví, nghĩa là bên trai, bên gái dùng câu hát mà đối đáp với nhau. Chỉ có giọng hát thì hơi khác.

Theo như tục truyền, thì mấy năm trước đây, lúc làng Lim mở hội, con gái trong làng (dù người có chồng rồi cũng vậy) được quyền tự-do mà mời con trai hàng xóm vào nhà, thết-đãi trè rượu, hoặc đùa, hoặc hát, muốn gì cũng được. Người nào mời được nhiều khách đến nhà thì cha mẹ chị em cho là vinh-dự, nếu người nào không mời được khách thì bị xấu hổ, bởi vì người ta cho rằng người đó hoặc kém nhan-sắc, hoặc vụng mồm mép, cho nên không ai thèm màng. Nhưng ít năm gần đây bởi trai các nơi đến chơi quấy nhiễu quá, cho nên tục đó đã bớt đi.

5 — Hội đền Hai Bà

Theo như trong sử đã chép, thì sau khi hai bà Trưng-Trắc, Trưng-Nhị bị thua với Mã-viên mà phải tự chằm, di-thể tự nhiên trôi về đến bãi Đồng-nhân (Cạnh Hanoi), Vì vậy ở đó mới có đền thờ gọi là đền Hai Bà, trong đền hiện nay có tượng Hai Bà.

Hằng năm đến ngày mồng 5 tháng hai tại đền này mở hội rất to, khách khứa lễ bái đông lắm.

Nghĩ lại trong hồi Bắc-thuộc, giang-sơn nước nhà bị làm quận-huyện của Tàu, Hai Bà là bọc quần-thoa mà tự mình nổi giậy chống nhau với giặc, xây dựng nền-móng độc-lập cho giòng giống Việt-Nam, công-đức thật đáng ghi với núi mơn sông cạn.

Vậy đến ngày mồng năm tháng hai, tức là ngày kỷ-niệm Hai Bà nam-nữ quốc-dân nếu có thì giờ, ai nấy cũng nên tới đền chiêm-yết, gọi là tỏ lòng kính mến bọc Nữ-anh-hùng.

6 — Hội đền Hùng

Mùng 10 tháng 3 âm-lịch là ngày kỷ-niệm vua Hùng, Lễ kỷ-niệm ấy hằng năm khởi hành tại trên đền Hùng, thuộc làng Cổ-tích, tỉnh Phú-thọ.

Chắc ai cũng biết 25 triệu đồng bào nước này đều con cháu đức Hùng-Vương, mà bấy mươi vạn dặm vuông trong xứ này, cũng nhờ công-lao của đức Hùng-vương khai thác ra.

Ăn trái nhớ cây, uống nước nhớ nguồn, luân-lý của loài người phải vậy. Là giống dân Việt-Nam, sống trên mảnh đất Việt-Nam mà không nghĩ đến công-đức của vua Hùng thì không phải là người Việt-nam.

Ngày hội đền Hùng chính là ngày giỗ ông Thủy tổ chúng ta.

Phàm là con cháu, nếu có thì giờ, tưởng cũng nên tới đền chiêm-yết, để tỏ lòng kính-mến ông Thủy-tổ nhà mình.

7 — Hội chùa Thầy

Chùa-Thầy là ngôi chùa ở trên núi Thầy, tên chữ gọi là Sài-son, Theo trong sử chép, chỗ đó tức là nơi tu hành của một vị Thiền-sư đời Lý, tên là Từ-đạo-Hạnh. Về sau đầu thai làm con ông Sùng-hiền-hầu, rồi được nối ngôi nhà Lý tức vua Thần-tôn, hiện nay ở chùa còn chỗ có vết chân người vào trong đá, người ta bảo đó là chỗ ông Từ đạo-Hạnh hóa kiếp.

Hội chùa này nhằm ngày mồng 8 tháng 3, hàng xứ đến xem nô-nức. Cái chuyện đầu-thai hóa-kiếp là sự hoang-đường chẳng đủ tin, song đi coi hội này cũng có nhiều cái thú, vì Sài-son là nơi phong-cảnh rất đẹp chẳng kém gì các nơi danh-thắng khác ở Bắc-kỳ.



Chùa Láng thuộc làng Láng Hà-đông

THƠ, VÀ VẼ Cảnh Văn-Miếu Hanoi



Nghìn năm văn-vật đất Thăng-
Long,
Miếu thánh ai ơ thử ngửa trông.
Sánh với Nhị Nùng tường nhận
vững,
Trải từ Lý Nguyễn lửa hương
nồng,
Vách thư Tần-hỏa không e - lệ,
Cột đá Âu-phong há ngại ngừng !
Trời đất ấy còn văn-miếu ấy!
Có chăng ngô - đạo hãn chưa
cùng.

Hanoi 1921

Nghìn năm văn-vật đất Thăng-
Long,
Miếu thánh ai xem chả nức lòng.
Tường-nhận Cao-kiên nay khác
trước!
Môn-đình thi-l có như không!
Mưa bay mây cuốn thêm rầu
cảnh!
Vật-đời sao rời trái mấy đông,
Văn-tự bây giờ ai nhắc đến
Buồn xem bia, lại vương rêu
phong!

Lương vị-Thủy



Sách mua hạ (xem nghỉ hè) độ tháng tư sẽ có



THƯ CHO BẠN

Ngày xuân gửi cho bạn

Sương heo gió lạnh chưa qua,

Hồng đưa tia chọi, xuân đã tới nơi.

Tiền xuân nhắn một đôi lời :

Nước non thăm-hăm ai người tri-âm ?



(xem trang sau)

Nam-hồng chị ơi ! Hoa mai đã nở, gấm trời đương nô-nức tin xuân. Trong cái không-gian gió ấm, mưa nhuần, hồng tía đua tươi, non sông đều thay vẻ mới. Phải chăng ngày xuân là ngày tốt lành của tạo-vật ?

Từ bữa sang xuân đến nay, trời ủa, cảnh khô, hết thấy đám mầm nảy lộc, vườn tàn bụi rậm, cũng tung-bừng nụ nụ hoa hoa. Cỏ cây là giống vô-tình, mà đối với xuân còn có cảm-súc, hưởng chi loài người là bực tri-giác.

Trước những cảnh đào hồng, liễu biếc, yến hát, oanh ca, ai mà không vui xuân, mừng xuân, nhắc chén rượu, ngâm câu thơ, lòng xuân phơi-phới ?

Nhưng thưa chị, chắc rằng chị cũng như em, ngày xuân này chẳng những không làm cho chúng ta vui, mà trái lại, nó còn, gọi thêm cho chúng ta những mối tơ sầu giăng-dặc. Phải chăng chị ?

Riêng về phần em, tự khi xa bóng tử-phần, bấm đốt ngón tay nay đã trải năm lượt xuân đi xuân lại. Mỗi lần xuân tới, dường như trôi dục em một trận lo buồn.

Coi muốn buồn to, tiền lưng không có mấy, năm canh chiếc bóng biết cùng ai tỉnh trước toan sau ? Than ôi ! bước tiền-dồ đã những trông-gai, nghĩ thân thể càng thêm nôi bói-hôi khẳng-khai.

Oanh ca, yến hát, xuân là xuân của người ; liễu biếc đào hồng, xuân là xuân của người, cho đến những luồng gió ấm, những hạt mưa êm, rớt lại cũng là cái xuân của người. Kia người ta cha mẹ đẻ-nuôi, anh em sum-hợp mà mình thì tâm thân thui-thui, khi mưa, khi nắng, khi nóng khi lạnh, một mình bấu vớ một mình ; Kia người ta náo nhà náo cửa, náo ruộng vườn ngân-nấp mà mình thì gian phòng ở trọ, chiếc rương da thu gọn giang - sơn ; Những cảnh-huống này tưởng đến lúc nao thật như bung gân sắt, như bào lòng son lúc ấy. Song le, than với ai mà thơ với ai !

Dưới hoa, trước gió, em cũng nhiều phen trông bóng quê-hương. Nhưng mà trông thấy chi chi ? bụi hồng pha lộn nơi mây

xanh, quê-hương có chẳng ở trong đám mây bay bụi quẩn ? Than ôi! non sa nước thăm trời biển muôn trùng, sông Lô là đâu ? núi Tản là đâu ? trắng hồ Tây còn tỏ hay mờ ? giòng nước Nhị-hà bao con thuyền đi lại ? gốc đa thuở trước, người ngồi nghỉ mát là ai ? đường lối đi về năm xưa còn quang đãng hay đã rêu phong, cỏ lẩn ? Vườn hoa đào rầy ai làm chủ ? đàn di, lũ sẻ bên hàng xóm bây giờ bầu bạn với người nào ? Thương thay! cái cảnh cố-hương, hỏi vào ai, ai biết mà hỏi ?

Ấy vì thế mà mỗi lần xuân tới ruột con tâm càng thấy héo hon. Nam-Hồng chị ơi! nông nổi đó chắc chị đã thấu cho em vậy.

Tuy vậy, xin chị chớ vì em mà buồn. Em tuy ở cảnh-ngộ gian nan, song cũng không hề vì gian-nan mà nản chí, Thưa chị, em dù chẳng phải bậc thông-minh lỗi-lạc, nhưng trong lòng còn hiểu lẽ nên chẳng đứng giữa trần ai, người ta chỉ sống về hy-vọng, phải vậy chẳng thưa chị ? Em cũng như chị, cái hy-vọng của chúng ta hải còn chan-chứa nồng-nàn, thì trên bước đường đời, dù có gập muôn hặn nghìn sâu cũng phải giệp vắt đi hết ! Vả chẳng, tên đồ của em dù có trông gai, mà công việc của em đã có manh-mối. Hiện nay em đã dành dụm được ít nhiều đồng vốn. Không đến nỗi như trước, trơ-trọi hai bàn tay không. Em đã định trong vài năm nữa sẽ tùy cơ-hội, tùy lưng-vốn quyết buôn một chuyến thiệt lớn, dù thành dù bại, em cũng cam lòng với lão trời già. Ấy bây giờ đây em còn có chút mong-mỏi, có thể an-ủi được tâm hồn là nhờ ở chỗ đó.

Em an-ủi cho em bao nhiêu, lại càng áy-náy cho chị bấy nhiêu.

Mấy năm nay em vì cảnh bèo nước lênh-dênh, không thì-giờ viết thư cho chị. Song le, tin-tức của chị, đọc báo và hỏi thăm kẻ đi người lại, em cũng biết được rõ ràng. Việc chị buôn thua bán lỗ, em thật lấy làm đau lòng. Chính em đã cố tìm phương-pháp định trở về giúp chị mà chẳng nghĩ ra phương-pháp chi hết.

Đối với việc ấy, người ta lắm kẻ bình-phẩm thiên-lệch, họ chê chị không biết làm việc, lưng vốn chưa đủ mà giám buôn liều bấn liền, thua lỗ là phải. Nhưng em thì không nghĩ như vậy, em nhận việc chị đã làm là phải. Theo trí hẹp-hòi nông nổi của em, thì nghề buôn-bán cũng như trăm nghìn việc khác, qua

thời-kỳ thí-nghiệm mới đến thời-kỳ thực-hành. Sự thua lỗ của chị chuyển này tức là thời-kỳ thí-nghiệm trong nghề buôn-bán của chị vậy. Có đứt tay mới hay thuốc, chắc đâu không vì thua lỗ mà chị trở nên người buôn thao bán sành, cơ-nghiệp rục-rỡ nhờ đó mà gây dựng lên được? Huống chi việc đòi man - mác kiếp người nào được mấy gang tay? Nếu việc gì cũng dẫn trước đo sau, muốn làm mà không cả - quyết làm ngay thì cái tuổi đầu xanh chẳng mấy lúc thành người tóc bạc. Những kẻ thông-minh tài-trí, sống bấy tít chục tuổi, rút lại, không để lại trên đời một vết con c n, ấy cũng vì thói dẫn trước đo sau kia vậy. Vậy thì cái việc buôn thua bán lỗ, chị cũng không nên lấy làm ngã lòng. Thua lỗ mà trong lưng còn có đồng tiền, rồi đây lại có ngày phấn-khởi. Điều em muốn nhắc lại với chị là, trong lúc cơn đen vận rủi, chị hãy nên yên chí đợi thời, cốt nhất làm ăn ky-c p, sao cho tiền vốn của mình một ngày một nhiều, cái cơ tai-tạo sẽ trông ở đó.

Ấy ý-tưởng của em đối với công việc của chị, chỉ định-ninh có mấy câu đó. Chẳng phải em để sau mà muốn khôn trước, em cũng « biết sao mà nói vậy » mà thôi. Ngoài những lời thành-thực ấy ra, thật em chẳng biết lấy câu gì mà nói với chị.

Bây giờ đây, mưa xuân đương rội, gió xuân đương thổi, mây xuân đương nổi, hoa xuân đương mới, chim xuân đương liu-lo học nói trên cành, chắc lòng chị cũng như lòng em thấy cảnh vật mà mỗi sâu xuân khôn rút. Mỗi năm mỗi tuổi, như đuổi xuân đi, mỗi lượt xuân đi, trên đầu lại trồng thêm một tuổi. Tuổi cứ mỗi xuân mỗi lớn, mà trên vai ginh nặng, chúa xuân chẳng cùng nhau san-sẻ chút nào. Như vậy ai mà không sâu, không bức?

Song, sâu mà chi? bức mà chi? cái thói đa cảm đa sầu, vẫn là thói thường của nhi-nữ đời cổ? vì nó mà chúng ta đã bị coi là giống yếu. Nay viết trót bức thư này, em muốn chị cùng gia sức phấn đấu, chớ để cho con ma « sầu » ám-ảnh tâm-hồn, chị nghĩ sao?

Gió xuân mát-mẻ, xin dừng chị hai chữ bình an.

Em chị : Thu-Vân

Thư bàn lẽ nên theo văn-hóa mới

BÁC LÊ.

Còn nhớ cũng độ này năm ngoái, một hôm bác đến thăm tôi, dưới giàn tường-vi chan chát những hoa tôi với bác cùng ngồi đối ẩm, rồi cùng nhau tranh luận về các vấn đề trong xã-hội. Nay tường-vi lại nở đầy giàn rực rỡ, cùng nét yêu hoa, nhớ người bạn cũ, song kẻ bắc người nam, nước non nghìn dặm, dù lại muốn có cuộc tranh luận kịch - liệt như năm ngoái, dễ hồ mà được chẳng? Chao ôi? Giang đông mấy tối, vì bắc cây Xuân, tuy sau cuộc họp mặt dưới hoa năm ngoái, đã tỏ ra: tôi, bác, không phải là một đôi tâm hợp ý đồng, song vắng nhớ, xa buồn, tình cũ vẫn y nhiên chưa đổi. Oanh Xuân gần đi, quỳên hè sắp đến, buồn làm sao? Người ta xa tít ở nơi nào?

Chúng ta xa nhau đã vừa một năm tròn, chẳng hay tư-tưởng của bác đã biến hóa ra thế nào chưa? Cứ như vừa đây tôi xem một bài bác viết đăng trên tờ báo kia, thì óc cũ đầu xưa, quan bác vẫn hầy còn nguyên thể. Tôi thương cho bạn lắm, thương vì bạn ôn cái tư tưởng. « một nhà nho cổ » như thế, thì đối với đời lúc nào cũng trông thấy những điều trái tai chướng mắt, lúc nào cũng phải thở dài, phải than khóc, như ông Giã-Trường-Sa ngày xưa. Chao ôi! Đời đến ngày nay, nước đến hội này, mà bạn cứ muốn cho quốc dân đi ngược phong trào thế giới, để trở lại cái đời ngày xưa, đem những cái khuôn phép cổ hủ của xã-hội mình trước, bỏ bỏ lên bảo « quốc túy quốc hồn » khuyên người ta cứ phải noi theo, dù trốn đi đâu cũng không thoát khỏi là một kẻ tội nhân ngăn trở bước đường tiến hóa của dân nước. Nên biết rằng xã-hội ta nay tất nhiên là phải xu về văn-hóa mới, có thể họa mới mong mở mặt cất đầu lên được. Nếu cố muốn chống với cái văn-hóa ấy, muốn cho tình-trạng xã-hội cứ giữ nguyên như khi nước nhà hầy còn đóng chặt cửa ngõ, nguy lắm thay.

Cái cơ nguy ấy trông dễ thấy sờ sờ, vậy mà sao bạn cứ còn lăm mồi thế? Theo như ý tôi thì phạm là thức-giả trong nước ngày nay, nên hết sức cô-động cho quốc-dân xu về văn-hóa mới, phạm các phong-tục chế-độ, đều nên khuyên nhau bỏ cũ mà theo mới, hạnh-phúc của quốc-gia, xã-hội, quyết nhiên là phải do con đường mới họa mới tìm ra. Trong khi bỏ cũ theo mới đó, cố nhiên không khỏi

có những sự nhằng nhổ xảy ra, ta trông thấy thế, chả tội gì mà phải khóc lóc kêu than, nên biết đó là một cái lẽ tất nhiên, đứa trẻ tập đi mà vấp ngã là một sự thường, muốn không vấp ngã có họa ngồi bệt xác một chỗ. Ấy là nói về sự bỏ cũ theo mới mà hoặc có xảy ra sự dở, thì ta nên quan-niệm như thế, còn như nó không phải dở mà nó chỉ là một sự mới lạ, đại khái như đàn-bà đi xe đạp, đánh quần vợt, cắt ngắn tóc, để trắng răng, mà ta cũng đập đầu đập tai, khóc khóc mếu mếu, kêu la lên những « phong-hóa suy-đổi » hay « lẽ-giáo đồ nát » thì gần giờ biết đến chừng nào ?

Ôi ! có phải là tôi khi-miệt cổ-nhân, cho những cái cũ của ta là nên bỏ cả, không có gì đáng bảo-lồn đâu. Tôi cũng vẫn biết là nên cũ của ta, quả cũng có đôi chút ta nên bảo tồn. Song câu truyện bảo-lồn, ta hãy nên xếp nếp nó lại, cho đến sau khi mà nước ta đã thật duy-lân, bấy giờ sẽ nói thì nó mới phải mùa. Chứ bây giờ mà nói bảo-lồn ư ? Tôi không thể nào mà không tặng cho cái danh hiệu « tội-nhân trong cuộc tiến-hóa của xã-hội ».

Kính-thư

HỮU SỞ TƯ (2 Bài)

I

Say mê chẳng kể đến xuân thu,

Khóc giở cười giăng đã lắm trò.

Sương tuyết giết mình xuân tựa nước,

Lửa hương bầm bạng mộng thành tro ;

Ông giờ biết có chẳng mà trách,

Đạo phật dành cao chữa dễ tu.

Nào khách vườn tình ai đó tá ?

Hoa càng đẹp lắm, quả càng chua ?

II

Mỗi lúc băng khuâng lại nhớ mình

Buồng hồng đầy đọa tuổi xuân xanh.

Trăng lên, hoa nở, mười năm hận.

Chỉ rồi, kim thêu, mấy đoạn tình.

Chơi ác giận cay con tạo-hóa.

Dùng nhêm đại đẳng cái thông-minh.

Sông ngân ai bắc cầu Ô-thước.

Bắc hộ cầu qua bể Thái-bình

Tác giả N. 1.

Trúc-Khê sao-lục



Thư nói chuyện Tết

của TRÚC-KHÊ

Bác NGUYỄN,

Khóm cúc lụi vàng, cành mai điểm trắng, thắm thoát đã lại sắp đến tết nguyên-đán âm lịch rồi đây. Từ Nam chí Bắc, từ chợ chí quê, người ta đã đương rộn rịp tung bừng về công việc tết tung cả đó. Thiên-hạ như thế, bên bác hẳn cũng thế, bác gái thì đương lo thừa mứt, thừa bánh, bác giai hẳn đương lo sắm rượu, sắm chè. Một năm có một dịp tết, một mùa Xuân, âu phải lo cố ăn cố chơi, kéo nữa mà xuân đi tết hết. Thiên-hạ như thế, bên bác như thế, riêng nhà em năm nay đối với cái tết nguyên-đán âm lịch thật không có cảm-tình gì không có hứng-vị gì. Như nhờ em bàn với bác trước mà không được bác đồng ý, năm nay nhà em đã ăn tết vào ngày nguyên-đán dương-lịch. Vậy cái tết nguyên-đán âm lịch tới đây, xin đề phượng cho bác và khắp người trong nước: Hôm ấy xin bác miễn cho đừng trách em không sang chúc tết mà xin bên bác cũng đừng sang mừng tết nhà em, vì nhà em hôm ấy chỉ là một ngày thường e rằng bạn sang mà tiếp rượu bạn không được hợp lễ-nghi ngày tết.

Về cái cơ vi sao nên bỏ lịch-âm theo lịch-dương thì em đã có nhiều dịp viết bài nói ở trên báo. Lịch âm nhiều mỗi dị-đoan, tức là sự xem ngày xem giờ, lịch âm nhiều đều bất tiện, tức là sự tháng đủ tháng thiếu; đương buổi dân-sinh khốn bách, quốc-kế quần cùng, mà lịch-âm bày ra co lăm những tết nhỏ tết to, chỉ làm những dịp cho người mình tiêu tiền phao pui và gánh vàng đồ đi, để đến nỗi quần cùng lại càng thêm quần cùng, khốn bách thêm khốn-bách; và ngay nay đương buổi cõi đời giao-thông, loài người hội-hợp các nước trong thế-giới hầu hết người ta dùng dương-lịch cả; đến như nước Tàu là nước tổ âm-lịch mà họ cũng còn bỏ âm-lịch dùng dương-lịch, vậy thì mình cũng nên đổi sang dương-lịch cho tiện sự giao-thông với thế-giới, chứ còn cứ khư khư giữ lấy cái mở âm-lịch cổ

hủ làm gì. Ấy những lẽ trên này em đã từng trình bày để bác nghe-tưởng rằng có thể cùng với bác làm những tên tiên-phong trong đội quân cải-cách. Song tiếc thay, nói bác đừng giận, bác không khỏi là người chìm đắm với lưu-tục, bất cứ thấy sự thay đổi mới mẻ gì cũng đều cho là gở lạ mà gia công công-kích. Vâng, em hay làm nhưng sự gở lạ thật, mà em tưởng rằng về thời người ta còn nằm hang ở lỗ, nếu có người nào giùm nhà ở trên mặt đất mà ở thì chắc cũng nhiều người cho là sự gở lạ chứ chẳng không ! !

Kính-thư



Thư trả lời người bạn gái về vấn-đề phụ-nữ

Cô BỘI-NGỌC,

Hẻo-thôn hiu quạnh, vô bạn thú vui riêng mà cũng vô bạn nỗi buồn riêng, ấy là tình-cảnh biền thời của kẻ hàn-sĩ này. Trong cơn tịch-mịch nhàn sâu, tiếp được bức thư của bạn từ chốn phồn-hoa đô-hội gửi về thăm, khiến người sửng sốt bàng hoàng, tựa hồ trong chốn hang sâu, bỗng nghe thấy tiếng chân người vậy. Xem thơ, thấy bạn chẳng những than thở cho mình, lại tự than thở về thân-thể của bạn, đặt bức thư xuống, miệng ngâm câu: *Bôn, hoa nở giữa giờ mưa, đau lòng kẻ sĩ nằm co só rừng* (chí-sĩ thể lương nhàn xứ lão, danh-hoa lĩnh lạc vũ trung khai), đồng bệnh thương nhau, không thể không vuốt ngực thở dài ..

Cuối thư, thấy bạn kể cho biết: ở Hanoi hiện nay đương có cái phong-trào phụ-nữ thể-thao. bạn muốn hỏi ý-kiến tôi về vấn-đề ấy, vì vậy xin kính viết thư này đáp bạn.

Đối với vấn-đề phụ-nữ, trước đây tôi tuy chưa có bài nào chuyên luận, nhưng ở trong những các bài khác, thỉnh thoảng thường có chỗ đả động về vấn-đề ấy. đã tỏ ra là một người chủ trương về phương-diện giải-phóng rồi. Phụ-nữ giải-phóng đó là một cái danh-từ thù ghét của mấy anh đạo-đức giả, hiện ngày nay, bọn họ đương vác những diu cái búa cái (1) để chực phang người, song diu búa của họ toàn những đồ mục cán thối, tôi có sợ gì mà không cứ việc cao hô «phụ-nữ giải-phóng». Giải-phóng thế nào? Giải-phóng về khuôn-

(1) Diu búa đây nghĩa là những nhời công-kích, ta thường nói búa diu của các nhà đạo-dù.

phép gia-đình, giải-phóng về lễ-thói xã-hội, nào quyền về giáo-dục, nào quyền về chức-nghiệp, quyền về ngôn-luận, quyền về giao, tế, quyền về hôn-thú, bao nhiêu cái mối dây thắt buộc bọn họ ngày trước, nay đều nên cởi thả cho họ khiến họ được tự-do phát-triển cái tư-bẩm thiên-phú mà mở mày mở mặt với phụ-nữ năm châu. Tôi đã giữ cái chủ-kiến ấy, vậy đối với việc phụ-nữ thể-thao, tưởng không cần nói thì bạn cũng biết, tất nhiên tôi đứng về mặt tán-thành. Huống chi thể-thao là một môn giúp ích rất lớn cho sự sống của người đời, chính tôi đã từng mục-kích về một số lớn phụ-nữ phổ-phương, chỉ vì không có thể-thao mà họ thành ra một hạng người yếu ớt đáng thương, chẳng những riêng hại cho tự thân của họ mà thôi, mà lại còn có hại cho gia-đình, cho chủng-loại nữa, thế thì dù ngu hủ đến đâu, tôi cũng quyết là không phản-đối. Mới đây nghe nói thì bạn ta cũng là một người có công kêu-động cho phong-trào phụ-nữ thể-dục, nhưng có lẽ vì thấy một phái thủ-cự họ già mồm công-kích, mà đã có đôi phần chán nản, phải thế chẳng? Không phải thế chẳng? Nếu mà phải thế thì tôi dám xin khuyên bạn một đôi lời: Ở đời việc gì ta cho là phải thì cứ nên bạo dạn tiến-hành chớ nên vì lời công-kích của một phái người mê ngủ mà thoái chí nản lòng; nên biết, chẳng qua đó là cái lối đêm khuya cần bóng của họ đó mà thôi. Bất cứ thấy cái gì mới lạ họ cũng kêu vang, nếu ta làm việc gì mà cũng e sợ bọn này thì sự-nghiệp duy-tân của nước ta vĩnh-kiếp không mong gì có hiệu. Hỡi những nhà thức-giả trong nước, có chí về việc duy-tân cho nước Việt-nam cồ-hủ, ta đừng nên kiêng sợ những lời công-kích của các phái « quốc-hồn quốc-tủy » mà trọn đời không làm được trò trống gì đâu. Vậy các bạn đồng-chí ta nghĩ sao? Nữ-hữu Bội-Ngọc ta nghĩ sao?

Kính-thư



ĐOẢN-THIÊN TIỂU THUYẾT



THÚ QUÊ

Não người thay thú quê gia !
 Tiếng quên kêu sớm giọng gà gáy trưa.
 Cảnh tre lả, trận gió đưa,
 Thú quê vắng-vẽ, hồn thơ bồi-hồi !
 Lương-vị-Thủy

Đầu xóm Nông-trang, cuối thôn Tầm-xá, cạnh con đường-sứ Thái-Nguyên — Hanoi, ai đi qua cũng thấy một khu trại, ruộng đất tuy không lấy gì làm rộng, mà cây-cối có vẻ rườm-rà, đó là trại của cô Cả-Minh.

Tất cả trong trại ước chừng được trên dưới một mẫu An-nam, bốn bề đều có lũy-tre, trong lũy là hào, phía trước, cái hồ ước chừng hai sào, phía sau là vườn trồng cây, mùa nào thức ấy, hoa quả có quanh năm. Giữa trại, một nếp nhà lá năm gian và hai lớp nhà nhỏ, mỗi lớp ba gian, cất ở hai bên nhà lớn. Chỗ ở của cô Cả-Minh chỉ có như vậy. Mỗi năm, cứ về mùa xuân, các thứ cây thấy đều nảy lộc ra hoa, ngồi trong trại mà ngắm cái cảnh hồng-tía đua chen, dầu người tục cốt đến đâu cũng phải lấy làm vui mắt. Nhất là những lúc hiu-hiu gió thổi, mùi hương ở mấy cây tranh cây bưởi ngào-ngạt đưa về, thật đủ khiến cho người ta tinh-thần khoan-khoai.

Cô Cả-Minh, chủ cái trại ấy, năm nay mới hai tám tuổi. Thuở chưa lấy chồng, cô là một người con gái nhà giàu ở Hanoi ; lúc nhỏ đã từng học tại trường, năm 18 tuổi đậu tốt-nghiệp ở trường Nữ-sur-phạm và đã đi làm cô giáo một năm. Từ khi còn là học-trò, đến khi đi làm Cô-giáo, đã có nhiều những cậu Tham, cậu Đốc muốn cùng cô đính-ước trăm năm, vì cô là người thông-minh có tài mà tính-hành lại rất thuần-hòa đứng đắn. Cái tiếng nết-na của cô Trần-Thị Dân-Bảo, trước đây hơn mười năm, ở Hà-thành đã lắm người nghe biết. Trần-Thị Dân-Bảo là tên cô

Cả-Minh thuở còn con gái đó. Người ta mến cô chẳng những mến về nhan-sắc và tiền-tài, chính là mến vì đức-hạnh của cô. Nhưng vì cô hiểu đời một cách khác người, cho nên bao nhiêu người ở Hà-thành cây cối lại hỏi, cô đều từ-chối.

Tính cô thanh-nhã, chỉ ưa những sự đăm-bạc, không ưa những thói phù-hoa. Cô cho rằng ở đời những cái đăm-bạc, khoa-hoạt về tinh-thần, thường có ý-vị lâu-dài, đến như những sự xa-xỉ phù-hoa, khoa-lạc về vật-chất, dù có làm cho mình được hả da vui lòng trong chốc lát, nhưng sau những cơn đắc-ý, thường chỉ còn lại những điều hối-hận, ăn-năn. Chẳng có hứng vị gì hết.

Bởi cô nghĩ vậy, nên từ khi cô còn đi học đến khi cô đi lấy chồng, mình cô chưa từng bán tấm áo nào đến mười đồng bạc, vòng hột, kiềng xuyến, cò không có một thứ gì, suốt năm không dùng một hột phấn, một giọt nước hoa nào. Chị em đồng-học đồng-sự đã lắm người chế riếu, họ gọi cô là Phật-bà Quan-âm. Cô chỉ đáp lại bằng tiếng cười ! ...

Về phương-diện khác thì cô lại hiểu rằng : Làm dân Việt-Nam bây giờ, dù trai dù gái, nếu là người có tư-cách, ắt làm hết nghĩa-vụ. Cái nghĩa-vụ của con gái — theo ý cô — cũng có nhiều việc phải làm, điều cần nhất là việc nâng cao trình-độ trí-thức cho chị em thôn-quê. Nhờ sự kinh-nghiệm và quan-sát mà cô biết rằng : Hiện ở thôn-quê phạm-vi giáo-dục hãì còn hẹp hòi, các bạn phụ-nữ, từ người già đến người trẻ, không có chút nào thường-thức. Như vậy mà hàng ngày đem những tiếng « Phụ-nữ giải-phóng », « Nam-Nữ bình-quyền » la lên các báo, thì có khác chi đứng giữa bãi cát mà kêu, dù có đất cò bồng hàu cũng không lấy ai làm người hưởng-ứng. Cái ý-kiến khai-hóa cho Phụ-Nữ thôn-quê, cô đã nhiều lần đem dãi bày với các chúng bạn, song mà, một số đông người chỉ biết mục đích gần, không nhìn thấy mục-dịch xa, đối với lời nói của cô, người ta cũng cho là phải, mà chẳng ai chịu đem sức thực-hành. Tuy vậy, cô cũng không lấy sự đó làm nổi chí.

Cô tuy là người thuần-thục mà lại có vẻ bạo-dạn hoạt-bát. Về việc nam-nữ giao-tế, cô thường theo cách tự-nhiên, không

làm bộ rút rè e lệ như nhiều người khác. Cậu Minh là một thầy giáo cùng dạy một trường với cô trong khi cô làm cô giáo. Trải một năm cùng nhau quen biết, cô đã tốn công thử đá thử vàng, thấy cậu này là người cùng một chí-khí như mình, thì cô sinh ra kính-mến. Bên kia cậu Cả Minh đối với cô cũng có cảm-tình như vậy, hai mắt cùng liếc, hai lòng cùng ưa, sợi tơ-tình càng ngày càng thêm quấn-quít, mối duyên hương-lửa ba - sinh từ đó mà gây nên. Sau đó chẳng bao lâu, cô đem việc riêng của mình thưa cùng cha mẹ. Ông bà vốn biết con là người có chí nên cũng chiều lòng.

Cái ngày cưới cô, cực kỳ giản-dị. Cậu Cả Minh một mình đến nhà gái làm lễ thân-nghinh, rồi đó cô dâu chủ rể, mỗi người một chiếc xe đạp, song-song đạp về quê nhà, họ nhà trai và họ nhà gái chỉ có hai chiếc xe đạp đó.

Khi đi lấy chồng, đối với bên chồng, cô xin cha mẹ không thách-thức từ một quả cau trở lên, mà đối với bên nhà mình, của hồi-môn của cha mẹ định cho, cô cũng không nhận đồng nào. Cái trại trên kia là nhờ số tiền của cô và cậu Cả Minh dành-dựm trong khi đi làm giáo-học mà tậu được. Ngoài cái trại ấy, vợ chồng cô lại mua thêm được tám sào ruộng nữa.

Sau ít lâu nữa, vì vốn-liếng hết cả, cậu Cả Minh còn phải đi làm giáo-học một năm nữa, còn cô thì từ-chức ngay. Cái đời của cô khi ấy đã bước sang con đường khác. Cô bắt đầu thực-hành chí-hướng của mình.

Trước hết, cô đổi lối ăn mặc, áo nâu sồng bả, tấm khăn vuông the thâm; đó, những đồ của cô thường dùng hàng ngày. Tóm lại, nội trong mình cô không lúc nào bận đến một sợi tơ nào là hàng của ngoại-quốc. Chẳng phải cô cố ý làm ra cầu-kỳ. Bởi cô đã định đem sức-lực đàn-bà, cái sức lâu nay người nê văn lấy là đào-thơ liễu-yếu đó, thử gây-dựng lấy khu trại nhỏ hẹp của mình thành một giang-sơn ngăn-nấp hẩn-hoi, nên cô thường phải chân bùn tay lấm, đêm trắng ngày gió, một mình tô-diêm cho cỏ hoa, như vậy thì cách ăn mặc lượt-thướt khi xưa, đối với công việc rất không tiện.

Trong khi mới đời cái « đời sống » của một cô giáo ra cái « đời sống » của con gái nhà quê, cô chỉ quanh-quẩn những việc vun đất, tưới cây trong trại, còn việc ruộng nương thì chưa quen, đều phải thuê-mướn. Chừng vài tháng, tự cô luyện-tập dần dần, rồi thì cấy lúa trồng khoai nhổ mạ ginh lúa, tay cô đều làm được.

Những lúc rỗi việc vườn ruộng, cô thường đi lại ở hai làng Nông-trang, Tầm-xá, không cứ nhà giàu nhà nghèo, hễ có dịp tiện thì cô vào chơi. Lúc nói chuyện, cô đem những cái ích-lợi về sự học mà giảng cho họ nghe, làm cho ai nấy nức lòng, đều muốn cho con đi học. Nhưng hai làng đó đều xa trường công mà không có trường tư nào. May nhờ lúc ấy lệ mở trường tư chưa bố buộc lắm, cô bèn lập hai lớp sơ-đẳng trong trại, một lớp dạy con trai, một lớp riêng cho con gái. Trẻ con trong làng tới học rất đông. Cô lại khuyên các nhà giàu giúp tiền giấy bút cho con trẻ nhà nghèo, còn tiền học thì cô không lấy của ai một xu nào hết.

Bấy giờ, trong trại của cô sắp đặt đã thành cơ-ngũ, công việc cũng không bận lắm, hoa lợi hàng tháng cũng đã thu được ít nhiều, sự ăn tiêu trong nhà không đến nỗi thiếu thốn. Vả lại, học trò trong lớp mỗi ngày mỗi đông, trước còn chỉ có con trẻ, sau rồi buổi tối cũng có nhiều người con gái ngoài hai chục tuổi rủ nhau đến học. Thành ra việc dạy học lại bận hơn việc làm vườn, cô bèn khuyên chồng thôi chức giáo-học mà về nhà dạy bảo đỡ cô. Bấy, tám năm trời, nhờ sự giáo-dục của vợ chồng cô, người trong hai làng từ ba mươi tuổi trở xuống, ai-ai cũng biết chữ và hiểu được các món thường-thức cần dùng. Hai năm nay vì có lệ định rằng hễ ai dạy từ năm người trở lên thì phải xin phép, nên cái trường tư trong trại của cô đã phải triệt-bãi, nhưng trong nhà cô lúc nào cũng có hỗn đũa học trò nhỏ. Còn ở trong làng, thì đã có nhiều người lớn biết chữ, con chị dạy lẫn con em được cả. Vả, họ học là học lấy biết chứ không cần đi thi-cử, cho nên sự dạy-bảo cũng không phải giữ đúng qui-cử. Kể biết trước dạy người biết sau không lấy gì làm khổ khăn lắm.

Trước khi cô chưa về đó, hai làng Nòng-trang và Tầm-xá phong-tục rất hủ-lậu, đàn bà thì đồng bóng lễ bái, đàn ông thì cờ bạc rượu chè, họ đánh nhau kiện nhau luôn luôn, trong một tháng chừng năm, mười lần ăn uống tại đình, đàn trai đóng góp rất nặng. Từ khi vợ chồng cô về làng, cố công gắng sức đem lời ngọt-ngào võ-vạc mà cắt nghĩa, dần dần họ đều hiểu biết lẽ phải. Bây giờ những việc kiện-tụng, đồng bóng, rượu chè, cờ bạc, đều không có nữa, quanh năm ở đình và đền không mấy khi có việc tế-tự, cho đến những ngày tết trước như đầu tháng giêng, mồng ba tháng ba, mồng năm tháng năm v. v. cũng đều bỏ cả. Họ cũng ăn tết, nhưng ăn tết vào những ngày kỉ niệm về lịch sử nước nhà. Cái đó cũng là theo sự chỉ-bảo của cô vậy.

Hiện nay trong hai làng đã có nhà hộ-sinh, có ban coi về việc vệ-sinh chung, mỗi làng lại có một cái thư-viện ở đình, có đủ các sách về thường-thức địa-dư và lịch-sử và khoa học, lại có hết các thứ báo chí quốc-văn ở trong nước. Tiền đó một số ít là của cô bỏ ra còn phần nhiều là của người làng góp vào. Cô lại xin phép lập trong hai làng đó một hội phụ-nữ, mục-đích để khuyến-khích đàn bà, trong làng đều là hội-viên, tiền vốn của hội đã được một số khá lớn. Theo chương-trình mà tiến-hành thì trong mười năm nữa, số tiền vốn sẽ có thể đủ mở một xưởng thợ rất lớn. Thuê kỹ-sư ngoại quốc về dạy.

Cô lấy chồng năm hai mươi tuổi, đến năm hai mươi mốt tuổi thì sinh được con trai, ba năm sau lại sinh được một trai một gái nữa. Lúc cưới cô, cậu Cả Minh đã toan vào sổ giá-thú, nhưng cô gạt đi, nói rằng: Người ta vào sổ giá-thú là cốt phòng khi có việc phải giết nhau ra tòa. Tôi với anh quyết không lúc nào đến nỗi đốn-mạt phải nhờ pháp-luật phân-xử việc riêng của mình, thế thì làm chi mà phải vào sổ vào sách. Đến khi sinh con, vì theo luật phải khai-sinh, nếu không khai thì bị phạt, nhưng vì vợ chồng nhà cô không có tên ở sổ giá-thú, thành ra ba con đều phải khai là con hoang.

Đối với chồng, cô rất kính yêu, chồng cô đối với cô cũng vậy. Những khi ngày gió đêm trăng, chiếc ghế gỗ ngồi dưới bóng hoa hồng mát, người ta thường thấy đôi tuổi trẻ song-song cười nói chuyện trò. Cái vẻ tương-đắc, bút giấy không thể tả được. Lạ đến những khi thùng nước tưới cây, chiếc rằm đào cỏ, vợ chồng cô cũng mỗi người mỗi việc, nghỉ thì cùng nghỉ, làm thì cùng làm chồng, đã không lấy việc bùn-đất làm nề-hà, vợ lại coi việc điền-viên là cái lạc-thú thứ nhất. Tục-ngữ nói: thế-gian được vợ hồng chồng, nhưng nhà cô thì được cả đôi vậy.

Mấy năm nay, chồng cô đi vắng, cô ở nhà. một nách ba con mọn, lại cai-quản một khu trại và mấy sào ruộng, vậy mà trong nhà chỉ có một đứa ở gái chừng 20 tuổi và một đứa ở trai chừng hơn mười tuổi. Người khác ở cảnh đó ắt lấy làm buồn bực âu-sầu, cái giọng than « gởi chiếc phòng không » luôn luôn ở cửa miệng. Nhưng cô thì không, chồng đi vắng cô cũng vui vẻ như chồng ở nhà, công việc trông nom khu-xử, trong nhà, ngoài làng, đâu vẫn như đó, không hề sơ - xuất chỗ nào. Mỗi khi bóng nắng tà-tà, gió đông phe-phẩy, cô thường tay bồng tay giặt mấy đứa con thơ, cùng mấy người bạn gái trong làng. dạo chơi quanh vườn, quanh hào, ra bộ rứt đặc ý. Tuy rằng cô đã bận mọn lại thêm ăn mặc nâu sồng, không có trang-diểm chi hết, nhưng cái nhan-sắc thiên-nhiên vẫn đủ khiến cho hoa hớn, nguyệt thẹn !

Vài ba năm nay, từ khi trường tư-thục của cô bãi đi, thì ngoài việc vườn ruộng, cô lại chuyên về việc xem sách, làm sách, văn quốc-ngữ của cô viết ra rất nhiều, song, chưa hề đăng báo bài nào, sách của cô cũng chưa có cuốn nào xuất-bản. Chỉ cô vẫn định đem những tư-tưởng của phụ-nữ Âu-Tây mà truyền-bá cho phụ-nữ nước này, nhưng vì chưa đủ vốn in, cho nên vẫn phải xếp đó. Hội Phụ-nữ liên-hiệp ở hai làng đó đã muốn xuất tiền của hội ra in, nhưng cô sợ rằng hao hụt tiền vốn của hội nên vẫn ngần-ngừ chưa quyết. Cô rất ưa làm thơ, cứ như người ta nói thì văn vần của cô cũng lắm bài hay, trong tập thơ của cô

có lẫn nhiều bài xương hươu của bạn gái ở hai làng đó, nhưng ít ai trông thấy, hiện vùng đó chỉ truyền-tụng mấy bài toàn là bài vịnh sử mà thôi

NAM-HOA



Mừng bạn má hồng



Mừng chị năm nay
chị lấy chồng.
Lấy chồng gánh vác
nợ non sông.
Non sông gánh vác
sao cho khỏi;
Cho khỏi đeo dài
tiếng má hồng.

L. V. T.



Bài ký một cuộc bài-yết đèn Hùng ngày đầu tháng giêng



Nén hương đứng trước linh-đài,
Dân hai nhăm triệu một lời
khẩn chung:
Chúng tôi là giống Tiên Rồng,
Nước non xa cách lỗi cùng tổ-
tiên.

Lương-Vị-Thủy,

Bấm tay tính đốt từ ngày sang học Paris cho tới khi về ở Cần-
thơ, đời tôi xa cách quê-hương đã mười lăm năm có lẻ. Tuy
rằng buổi đời kinh-tế, kiếp làm trại bốn biển là nhà, đọc những
chữ «tang-bồng», «hồ-bải» trong các câu thơ-ca của người xưa,
mình vẫn kiếm được nhiều cơ làm cho lòng mình yên-ủi, nhưng
mà đối với quê cha, đất tổ, vốn là nơi đào-tạo cho mình ra đời,
làm người mà chẳng là gỗ đá trơ-trơ, ai không có cảm-tình một
chút? Huống chi, kẻ chiếc thân lưu-lạc, nửa đời từng bao bước
cheo-leo, thì cái cảm-tình ấy lại càng nồng-nàn đậm thắm. Mỗi
lúc đêm thanh, ngày vắng, hồn quê thường như tỉnh như say,
vùng nguyệt rừng Ngang, bóng mây non Tản, đều là những vật
làm cho tôi ruột gan bồi-hồi. Tôi mong, tôi nhớ, tôi to-tưởng
nơi non xanh, nước đỏ, nhờ về mẫu-hội nước mắt của tiên-tổ
mà gây nên; nhất là tôi mơ-màng cái giang-sơn huyện Hạc
Châu-Phong, chỗ phát tích của con nhà họ Việt.

Nhưng mà Bắc Nam đời ngả, nghìn dặm quan-sơn, đã không
có cánh mà bay, ắt không có thể một ngày mà tới; vả lại, trước
mặt trận phấn đấu với sự sống, tên linh tài hèn sức mọn, còn
lấy đâu thừa-thãi thi giờ? Vì vậy, cái «mong» và cái «được»
hai đảng ghen-ghét nhau hoài. Mười lăm năm biết bao tình. .. vơ-

vân, vân-vơ, quang cảnh gia-hương những bàng-hoàng trong giấc mộng. Một đôi khi xem các báo, chí, thấy những bài du-ký về các nơi danh-thắng đất Bắc, nhất là thấy những bài chép việc chiêm-yết đền Hùng thì trong lòng tôi trước còn ngợi khen, sau sinh ra đố-ky. Tôi tự nghĩ: cũng một đời tai mắt, sao người ta còn có lúc ân-cần tới bàn thờ tổ-quốc, mà mình thì không? Tổ quốc có mình cũng như không có vậy.

Những lúc tự nghĩ như vậy, thì tôi bồn-chồn nóng-nảy, muốn trong giây phút mà bon thảng tới nơi. Song le, cái chân chẳng chiều cái bụng, bụng muốn đi, chân chẳng cho đi, thành ra tấm thân bầy thược, không thể tự mình dài-tải cho mình. Cho bay kiếp người đã xông-pha vào cuộc doanh-sinh, thì đối với hoa-cỏ non-sông, không thể hẹn ngày hội-ngộ. Cái đời như thế, còn chắc gì thấy bóng cổ-hương ! . . .

Tình cờ năm trước đây, chẳng biết bởi lòng trời dun-rủi, hay là tự tiên-tổ xét soi, thỉnh-linh tôi đã được thỏa lòng ao ước. Trên đền Quốc-tổ, chính tôi đã góp với số đồng đồng-bao một vài nén-hương ; việc đó đối với ai ai, chỉ là sự rất thường, mà riêng đối với tôi, lại là sự rất hân-hạnh, cái khoái-lạc ở trên đời, có lẽ cũng theo tình-tính của từng người mà thay đổi vậy.

Ngày qua tháng lại, cuộc thắng-du ấy tới nay đã hồ trón một năm. Bây giờ đây, ngọn sóng sinh-nhai lại đuổi vào đất Cần-thơ như trước, đường xa lần nữa, mưa nắng bao phen, cảnh cũ với trông, mây trời muôn trượng, nhưng mà phong-quang nơi trước, lúc này còn nhớ như in. Vậy tôi muốn thuật lại ra đây, trước là làm chút kỷ-niệm cho mình, sau nữa dãi bày với những ai cùng một cảnh-ngộ.

Một điều nên nói rõ là cuộc bái-yết đền Quốc-tổ này tôi đi nhằm ngày mồng một tháng giêng, ấy là cái ngày mà người ta vẫn gọi là năm mới đó. Sự đó là tôi cố-ý chớ không phải vô-tình. Kể ra mười lăm năm nay, mắt tôi chưa nhìn tới cuốn âm-lich, về việc năm mới cúng tết chính tôi đã cải-cách từ lâu, nhưng mà trong năm ngoái đây, — có lẽ năm nay nữa cũng vậy — tục ăn tết đầu năm trong nước ta vẫn còn thịnh-hành. Cái đó là dở hay hay, ở đây tôi không bàn đến. Điều mà tôi muốn nói là : trong 3 ngày tết, khắp cả trong nước, ai nấy đều tưởng-vọng đến cha ông nhà mình, duy đối với Ông Tổ đã sinh ra tất

cả nói giống, ngoài dân sở-tại ra, chưa ai từng tốn một nén hương Ông Tổ sinh ra cơ-nghiệp một nhà, mình biết đền ơn báo đức, mà đến Ông-Tổ dựng lên cơ-nghiệp cả nước. mình lại coi thoảng như người dưng, hai quan-niệm ấy thật là trái ngược, hoặc giả cũng vì người mình quen nhớ cái gần mà quên cái xa, cho nên mới bị lầm lỗi như vậy chăng? Vì vậy tôi nhân ngày tết mà thân-hành bái-yết đền Hùng, cũng muốn tỏ ý không quên chỗ « gốc cây, nguồn nước » vậy. Ý-kiến ấy là phải hay quấy, chính tôi cũng chưa phân-biệt ra sao, mong rằng bạn đọc sẽ cùng lượng-xét.

Khi đi, tôi ở Cần-thơ về Bắc kỳ từ ngày 20 tháng chạp. vừa đúng mười ngày, thăm hết thân-bằng cố-hữu, những chuyện hàn-huyên chẳng đing kể làm chi. Cái đáng khiến cho tôi cảm-khích là cảnh-vật năm xưa bây giờ đã thay đổi nhiều lắm, cho đến anh em họ mạc cũng người thì đi vắng, người đã qua đời, quê-hương của tôi thật chưa trải hết một cuộc bể dâu nào. mà những điều trông thấy cũng đủ làm cho người ta đau đớn lòng vậy.

Cái chi tôi muốn đi thăm đền Hùng? nguyên đã định từ lúc ở Cần-thơ bước chân ra về, nên chi khi tới quê nhà, trong những lúc thủ-tiếp bà con, tôi thường đem ra nói chuyện. và rủ lấy một người nữa cùng đi. Nhưng một phần đông đều từ chối, nói rằng: ngày đi còn phải ở nhà cúng tổ-tiên, tiếp khách khứa không thể đi được. Ôi! không thể đi được, tôi có trách ai, song có nhiều người đã không biểu đồng-tình với tôi mà còn cho cái việc của tôi muốn làm là điên-dồ nữa. Mà người ta cho là điên-dồ cũng phải. Giữa ngày mồng một tết, trong nhà đèn hương nghi-ngút, cỗ bàn linh-đình, có chi lại dám đi lên chỗ đồng rừng đất núi? Nhưng mà với tôi, dù ai khen chê mặc ai.

May sao, ngoài những người cho tôi là điên, lại có một người khen tôi là phải. Ông ta bằng lòng cùng đi.

Đêm 30 tháng chạp, chúng tôi ngủ ở Hanoi. Từ nửa đêm đến sáng, khắp hàng phố tiếng pháo chào mừng năm mới (!) nghe như súng trận nổ liên-thanh. Cho hay ông thần năm mới ở đất Việt-nam cũng « tốt » hơn ở các nơi khác.

Đồng hồ đánh năm giờ, chúng tôi ở nhà ra ga, lúc đó quang-cảnh trong ga khác hẳn ngày thường. Hành-khách vắng-vẻ đã đánh, hàng phố, hàng kẹo, hàng bán nước dong cũng không thấy

nữa. Phải! thiên-hạ còn bận ăn tết, mừng một đầu năm, trừ hai tháng đỗ chúng tôi, thì ai còn đi đâu làm gì, hàng quà, hàng bánh bán cho ai được mà chẳng nghỉ. Trong ga lúc ấy thật là buồn tênh, cho đến khi chúng tôi lên tàu cũng vậy.

Sáu giờ đúng, tàu bắt đầu chạy, qua cầu sắt sang cầu Đuống, đoàn tàu thui thủi từ địa-phận Bắc-ninh mà lên đất Phúc-an. Lúc ấy trời còn tờ-mờ, hai bên giọc đường sương khói mịt-mù, nếu không có những tiếng pháo đi-đoành ở các làng quê, thì chẳng khác chi tàu đi trong bãi sa-mạc!

Chừng hơn 2 giờ đồng-hồ, tới Đông-kê, trời dần dần sáng, sương dần dần tan, chân mây phía đông, mặt trời đã lộ ra đỏ ối. Từ đó mà đi, miếng kính xe lửa đã dần dần đủ sức chiếu được phong-cảnh giọc đường, bụi cỏ bờ cây, bóng hoa phấp phới, vườn trè bãi trám, vẻ lá xanh dờn. Chẳng hay thợ trời trang-diêm lổn bao công, màu xuân vẽ-nhuộm tự bao giờ mà được thế?

Khỏi Phúc-an đến Vĩnh-yên, con đường trước mặt dần-dần hiện ra những cảnh đồi núi, xa trông làng to xóm nhỏ, dựa theo mé núi, sườn đồi, cảnh-tượng tuy không được sầm-uất như các thôn-xã ở Trung-châu, song cũng có bề vui-vẻ. Mấy nghìn năm trước, khi Tiên-tổ ta gây dựng ra đất nước này, có lẽ những làng xóm này tức là chỗ căn-bản vậy. Từ những nơi khe rừng đất sỏi như vậy, mà khai-thác bao phen, hết Bắc-kỳ, đến Trung-kỳ, đến Nam-kỳ, gây nên một bức dư-đồ gấm vóc như nước Việt-Nam ngày nay, giống người Việt-Nam há chẳng phải là giống người hùng-cường, cái công-đức của Tiên-nhân ta thật cũng lớn-lao lắm chứ.

Lượn quanh sườn núi chân đồi, đoàn xe-lửa uốn khúc vắn-vèo như thân rắn, chừng hơn mười giờ thì đến Việt-tri, tàu đỗ chừng một tiếng đồng-hồ, lại chạy hơn giờ nữa thì đến ga Tiên-cương. Đó là chỗ rẽ vào đền Hùng, chúng tôi xuống xe đi bộ.

Từ Vĩnh-yên tới đây, tiếng pháo nghe đã thưa thưa, quang-cảnh ngày tết trên này, có lẽ không náo-nhiệt bằng mấy tỉnh phía dưới. Tuy vậy trên các đường cũng thấy vắng tanh, người đi lại rất ít. Cứ như người bạn tôi nói với tôi, thì ở ga Tiên-Cương, ngày thường vẫn có vài chiếc xe kéo chở khách, nhưng bấy giờ thì không có một chiếc nào hết. Chắc là mọi năm, ngày

mồng một tết ở đây không ai cần dùng đến xe, cho nên phu xe họ cũng nghỉ nhà ăn tết thì phải. Hai chúng tôi đứng-dỉnh cuốc bộ từ ga Tiên-Cương mà vào, may có bạn tôi đã từng lên đây vài lần, còn nhớ đường lối, nếu không, một mình tôi thì có khi không biết đường nào mà đi, vì ở đường ít khi gặp ai mà hỏi.

Một bên sườn núi, một bên ruộng cày, đường đi ở giữa, quanh co lên xuống chừng vài ba cây số, qua mấy nếp đình chùa cổ đến chân núi Hùng. Ngay ở chỗ cạnh đường lên núi có túp nhà tre lợp lá. Bạn tôi nói rằng nhà đó mọi khi vẫn có người ở, ai lên chơi đền thì đưa đi. Nhưng nay trong nhà không có ai. Chúng tôi đứng nghỉ một lúc rồi cùng đi lên.

Trời đã quá trưa, bóng ác xế về một bên đỉnh núi, gió đông hây hây từ dưới đồng ruộng thổi lên, vì có hơi nắng chiếu xuống, cho nên tiết trời cũng không đến nỗi rá- lạnh. Chúng tôi thoát đến sườn núi thì thấy hai bên có hai nếp nhà lợp ngói. Theo lời bạn tôi, ở phía hữu là nhà hội-đồng, mỗi năm đến ngày mồng mười tháng ba tức là ngày hội đền Hùng, quan-khách phương xa về đền làm lễ thì nghỉ ở nhà đó. Còn ở phía tả là nhà Cà-phê, cũng đến ngày hội mới có người về đó bán hàng. Ở đó đi lên một quãng, thì phía trên đường có nếp tam-quan rất lớn, thẳng với cửa đền. Chừng như thuở xưa, chỗ này là đường lên đền, bởi lên núi mà đi đường thẳng giốc quá, nên bây giờ mới mở một con đường khác vòng ở phía hữu tam-quan mà lên cho đỡ chênh giốc. Đi khỏi tam-quan thì đến quãng đường xây bậc bằng gạch. Không phải bậc gạch xây liền nhau từ đáy mà lên, chỉ mỗi đoạn chừng vài chục thước mới có một quãng độ vài cái bậc mà thôi. Mỗi quãng bậc gạch đường đi thắm thắm như chiếc thang dựng đứng, chúng tôi đi được vài bốn quãng chi đó, thì sức lực đã thấy mỏi nhòai.

Tới đó, vừa đến một khu đất bằng, bên ngoài có chiếc nhà vuông, trong có tấm bia rất lớn, văn bia một mặt là chữ Hán, một mặt là chữ Quốc-ngữ, kỷ-niệm công-đức một nhà buôn ở Hanoi đã xuất nghìn bạc xây nên những bậc gạch kia. Lúc ấy, đường đi phần nhiều là bóng cây dâm-dộp, lại thêm lên cao sức gió càng mạnh cho nên đã thấy hơi lạnh. Chúng tôi ở nhà bia đi lên, chừng một quãng dài, mùi hương hoa đại ở đâu gió đưa ngào-ngạt, tưởng như mình đã gần đến Bồng-lai. Dần dần thấy

trước mặt hiện ra một lớp lâu-đài khá lớn, trong trí tôi tưởng đó là đền Quốc-Tổ rồi, té ra mới là chùa Cổ-tích. Cứ bạn tôi nói: Cổ-tích tức là tên làng sở-tại, chùa này là chùa của làng đó. Trong chùa tiếng mõ chen với tiếng chuông, bữa đó là ngày tuần, lại là ngày tết, cho nên có cúng, nhà sư đương lăm-rằm tung kinh. Chúng tôi không vào chùa không biết ở trong rộng hẹp thế nào, coi bên ngoài cũng khá rộng-rãi Sân chùa rất lớn, chung quanh có nhiều cây « đại » cổ-thụ, trời nào trời ấy hoa trắng như bông. Hai bên có hai cây Tháp. Trước sân là nếp nhà bỏ trống, trên có tầng gác, đó là nhà gác chuông. Phía trước gác chuông có trời thông thật lớn, gió thổi thông reo, trên lưng trời ào-ào như sóng nổi. Nghe những tiếng ấy, tôi lại sức nhớ đến phong-cảnh Cần-thơ là chỗ tôi vừa từ-giã được mấy ngày.

Ở sân chùa rẽ sang phía tả ấy là lối đi lên đền, nhưng cũng phải trèo qua gần hai chục đoạn bậc gạch mới tới.

Đền cất ở ngay đỉnh núi, tuy không lấy gì làm nguy-nga, nhưng cũng có vẻ tráng-lệ. Coi kỹ thì qui-mô cũng không cỡ lắm, chừng như cũng mới làm lên độ trăm năm nay, và coi những niên-hiệu ở các câu đối, hoành-phi, thì hồi gần đây cũng có sửa lại nhiều ít.

Khi ấy có mấy ông già lão-nhổ ngồi ở hai rẫy ghế phía cạnh, các cụ trong làng ra đó túc-chực. Thấy chúng tôi vào, ai nấy lấy làm ngạc-nhiên. Như lời mấy ông già đó đã nói thì từ xưa đến nay, trừ quan bảo-hạt ra, ở đường xuôi ít có người nào ngày mồng một tết mà lên tới đó. Chúng tôi nói với người thủ-từ sửa cho vàng hương làm lễ. Lễ rồi, ra ngồi tại giầy ghế hai bên, nói chuyện tào-lao với mấy cụ. Người thủ-từ có bảo chúng tôi xúc thẻ bói xem năm mới tốt xấu thế nào. Nhưng chúng tôi đều cùng từ chối, vì mục-đích của chúng tôi tới đó có phải vì đi bói đâu. Thấy việc bói thẻ đó mà tôi lấy làm phàn-nàn, cái nơi thờ-phụng Ông tổ một nước, mà người ta còn lợi-dụng làm nơi truyền-bá thói « mê-tín », thật là sự lạ.

Ngồi trong đền một lúc, chúng tôi cùng ra sân xem ngắm cảnh-trí.

Giữa đám vô số cồn nhỏ, đột-ngột nổi lên một hòn núi cao, hoặc giả trời cũng dành riêng chỗ này làm nơi hương-khói ngàn thu cho ông Quốc-Tổ nước Việt-Nam đó.

Mấy ông già lúc đó cũng cao-hứng chạy ra nói chuyện. Một ông nói với chúng tôi rằng: Đền này kiểu đất rất đẹp, phía trước có ngã ba Trinh ngã ba Hạc, hai làn nước lớn làm *mệnh-đường*; hai tay *long*, *hổ* thì một bên là núi Tản-viên quay lại, một bên là núi Tam-đảo châu về, mạch đất kỳ-dị như thế thật xứng-đáng làm nơi Tồ-mộ của một nước. Nhưng câu nói tuy có pha giọng địa-lý huyền vi, song cũng đúng với địa-thể núi Hùng lắm.

Đứng trước đền mà trông xuống giang-sơn bốn mặt, sui người sinh bao mỗi cảm-tình. Kìa những hàng đồi núi thấp cao, san-sát như trồng bát úp, kìa những đám đồng-điền rộng hẹp, ngăn nắp như ô bàn cờ, thôn to, xóm nhỏ, chen với rừng cây bãi cỏ, phô một sắc xanh-xanh. Ôi! cái bức tranh gấm-vóc tốt-tươi, thầy đều bởi một họ Hồng-bàng tô-diêm. Nhân đó mà tưởng-tượng đến giải-đất từ Cà-mâu ra Bắc, Móng-cái vào Nam, dư-đồ bát-ngát chừng nào, ấy là công-đức của tổ-tiên ta lớn bao chừng ấy. Luôn thể tôi lại nghĩ tới cái thân lưu-lạc trong mười năm trời, hốt nhiên ngày nay lại có lúc tới trước bàn thờ Quốc-tổ, thắp một nén hương, đứng tấm lòng thành-kính, buông tầm con mắt mà ngắm cái chân-tượng của nước non nhà, thật là một sự vinh-hạnh trong đời tôi. Song tôi lại nghĩ: nhờ có tổ-tiên mở-mang xây dựng, ngày nay mình được sẵn đất mà ở, sẵn ruộng mà cấy, sẵn có giống nòi dòng-đức để mưu lấy sự sinh-tồn, nếu suốt đời chẳng làm nên việc gì ích cho Tổ-quốc, lợi cho đồng-bào, thì cái đời mình cũng là đời thừa mà cuộc bá-yết Quốc-lỗ này chỉ thêm để nhơ cho hoa-cỏ lâu-đài vậy.

Mặt trời đã xế, rừng sau đền tiếng chim sáo-sác báo tin chiều. Chúng tôi xuống coi lăng vua Hùng.

Kề với phía tả sân đền, nền lẳng thấp hơn nền sân độ hai thước, cái nắm sè-sè nằm trong chiếc nhà vuông con-con, một tấm bia đá vừa bằng cái « cột cây số » dựng ở đầu nắm, trong có ba chữ « *Hùng-vương lẳng* ».

Coi niên-hiệu bên trên thì bia ấy mới dựng lên từ đời Tự-đức. Bây giờ tôi không nhớ năm nào, chỉ nhớ cuối giòng niên-hiệu có ba chữ « *phụng-sắc-tạo* » mà chữ « *sắc* » lại dài lên cao hơn chữ « *Hùng* » một hàng.

Mấy ông già có nhủ chúng tôi xuống thăm đền Giếng ở dưới sườn núi bên tả. Nhưng vì chiều trời đã muộn, chúng tôi không giám quuyến-luyến, sợ hoặc lỡ tàu.

Bái-từ Quốc-tổ, giã đèn giã cảnh, giã hương khói cỏ hoa, chúng tôi xuống núi ra về. Lẽo-đẽo ra tới cửa ga Tiên-cương, xe lửa vừa đến. Lên xe về tới Hanoi đã gần tám giờ. Các nhà hàng phố đương còn cùng chiều, tiếng pháo nghe nổi ran khắp phố.

Sau khi về đến nhà trọ, tôi có hẹn với bạn tôi tới ngày hội đèn là ngày mồng mười tháng ba, sẽ cùng nhau đi thăm cảnh hội cảnh đèn lần nữa.

Chẳng ngờ việc đời không thể hẹn trước, từ khi tôi trở vào Cần-thơ, lại hàng ngày lăn-lóc với cuộc sinh-nhai, thì giờ của tôi hết thấy bị chủ-lực của đồng tiền ám-ảnh. Cái ngày mồng mười tháng ba, tôi vẫn định-ninh ghi lòng tạc dạ, nhưng không thể nào bước chân đi về. Than ôi! tôi đã phụ lời với cây cỏ!

Nước non cách trở, ngày tháng hao-mòn, biết có khi nào cái thân bèo nước lênh-đênh lại được trông bóng khói, ướp mùi hương trước bàn thờ Quốc-tổ. Cuộc bài-yết hôm đó có lẽ là cuộc kỷ-niệm vĩnh-viễn của đời tôi.

Năm tàn hầu hết, xuân mới sắp qua, cuộc kỷ-niệm kia thấm thoát đã sắp đầy một tuổi. Vậy có vài lời kỷ-thuật trước là giải chút u phiền, sau nữa, tôi muốn nói cùng ai ai rằng: Đèn thờ vua Hùng tức là một nơi nguồn suối về tư-tưởng quốc-gia của dân-tộc này đó.

Ngày 20 tháng décembre 1931 viết tại Cần-thơ

RHIÊU-BÌNH



CÁC SÁCH ĐÃ XUẤT - BẢN CỦA NHẬT-NAM THƯ-QUÁN

Sách mùa Xuân xem Tết	0p30	Học võ Tây dạy đánh võ lối hai	
Khoa-học Cầm, sách dạy đàn		người có hình vẽ rất rõ	0p60
Huế và cải lương mỗi cuốn	0p50	Sách Dạy đánh cờ	0p60
Nam-Nữ Bí-Mật chỉ-nam	0p30	Sách dạy làm ảnh có nhiều hình	1p00
Sách nói về thành-phố Hanoi	0p30	Hóa-học dạy các hóa-học	1p00
Thương-Mại Kế-Toán Chỉ-Nam		Đá bóng tròn dạy đá bóng	0p30
Cách làm sổ sách nhà buôn ;		Chăn nuôi theo khoa-học	0p30
nhà kỹ-nghệ v. v. (giấy tốt)	1p,50	Cổ-nhân Đàm-luận	0p30
Sách dạy làm 40 Nghề ít vốn	2p00	Học làm văn thơ	1p20
Lấy số Tử-vi theo khoa-học	1p00	Hùng-vương Diễn-nghĩa	0p50
Dạy làm Kim-khí và Cơ-khí	0p80	Vua Bối-Cái Lịch-sử tiểu-thuyết	0p35
Trường-sinh-thuật là cuốn sách		Lê-Đại-Hành » » » »	0p35
Dạy học Thuật sống lâu	0p50	Đinh-Tiên-Hoàng » » »	0p45
Thôi-Miên trọn bộ I, II, III, IV, V		Việt-Thanh chiến-sử (in lại) »	0p35
Giá 0p25. 0p35 0p40 0p50 0p50		Gươm cứu khổ rất hay	0p60
Thôi-miên Nhật-bản nghiệm theo		Hán Sở Tranh-hùng số 13, 14	0p24
Phương-pháp của Đức An-lơ-mang		Cái nan văn chương rất hay	0p30
chuyên về môn chữa các bệnh	0p50	Bia của ai đương in lại	0p35
Sách thuốc đàn-bà gồm có vệ-		Bóng-hiệp hồn-hoa Từ-Trầm-Á	0p40
sinh và các điều thường-thức		Giác mộng Nàng-Lê Từ-Trầm-Á	0p60
cùng là các bài thuốc, đề tống	1p00	Bề-tĩnh nổi sóng Từ-Trầm-Á	0p30
Sách thuốc trẻ-con, chữa đủ bệnh		Nhân-duyên-Mộng Từ-Trầm-Á	0p25
cho trẻ-con 2 cuốn mỗi cuốn	0p50	Hải Đường-Hồn »	0p30
Sách thuốc Kinh-nghiêm	0p50	Nước Hồ Gươm	0p20
Y-học Tùng-thư sách thuốc		Học chữ Tây và tiếng Tây in	
rất tốt rất quý mỗi cuốn	0p50	lần thứ 2 có dạy cả mẹo	0p30
Sách thuốc chữa bi đôn	0p40	Gia-lễ chỉ-nam, in lần thứ hai có	
Tập võ Tàu I II III IV		thêm Cách làm gia-phả, làm ma,	
Giá 0p26 0p30 0p50 0p30		cưới vợ, mừng thọ, giỗ tết v.v	0p80
		Sách dạy vẽ « Mỹ-thuật T T. »	1p00

ĐƯƠNG IN

Thuốc gia-truyền	1p,00	Việt-ngữ Hợp-nhất Chỉ-Nam trọn	
Phổ-thông Giáo-Dục	0p50	bộ. Hán-Việt Pháp tự-diễn trọn bộ	
Địa-lý Chỉ-nam (4 cuốn) mỗi cuốn	0p50	Hán-học-tùng-thư (dạy chữ Tàu từ	
Lịch-sử Thuyết-bộ Tùng-thư		sơ-học đến cao-học), Văn-Nghệ	
(tiểu-thuyết về lịch-sử) mỗi cuốn	0p30	tùng-thư (đủ cách làm văn thi và có	
Cổ hàng hoa	0p30	nhiều thơ văn của nước ta). Pháp-học	
Tập võ Tàu số V.	0p40	tùng-thư (dạy học chữ Pháp từ sơ	
Võ Ta có đủ các bài côn,		học đến cao học . .)	
quyền, thương và vật v. v .	0p50	Mẹo chữ Pháp	0p60
Võ Nhật các miếng đòn hiểm	0p50	Sách dạy làm ruộng và trồng cây.	
Sách thuốc kinh-nghiêm cuốn II	0p50	Sách dạy chăn nuôi các giống Chỉ	
		Nam. Còn nhiều nữa sẽ in tiếp sau	

Mua sách, Thơ và Mandat đề như vậy : « NHẬT-NAM THƯ-QUÁN HANOI »

Mua buôn (sỉ) có trừ hoa-hồng nhiều.

*Imp Moderne và nhà đồ Chấn-Hưng có bán đủ các
thứ nữ trang số 62 Phố hàng bạc — Hanoi*

SÁCH GÂY NƠI GIỒNG VÀ ÁI-TÌNH

NAM NỮ BÍ-MẬT

CHỈ-NAM



Có hình vẽ đủ và các bài thuốc

ĐỀ DỪNG CHỮA CÁC
BỆNH LẬU: DƯƠNG-MAI
DI-TÌNH, BỒ-THẬN,
ĐIỀU-KINH, BẠCH-ĐÁI
DƯỠNG-THAI, AN-THAI,
CÙNG LÀ CẦU-TỰ V. V...



Ai muốn cho ái tình của vợ chồng được
dắm-thấm, thân-thể khỏe mạnh, giống-nòi
đông-đúc và đẻ con thông-minh,
nên mua ngay sách này. Giá 0p30

Sách đã in lần thứ hai lại gần hết rồi
(Vì bán rất chạy chưa đầy một tháng đã hết)

